



CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH

Trụ sở chính

Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

Tel.: (066) 3753250

Fax: (066) 3839834

Email: sbtttninh@bourbontn.com.vn

Văn phòng thương mại

Lầu 1 - 62 Trần Huy Liệu, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 629 269 18 - 629 269 19

Fax: (08). 629 269 20

Email: bourbonsugar@bourbontn.com.vn

www.bourbontn.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



Khai phá tiềm năng - Gia tăng giá trị

Khai phá tiềm năng, Gia tăng giá trị



MỤC LỤC

THÔNG DIỆP

04 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

05 Cơ cấu cổ đông

05 Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% số lượng CP

TỔNG QUAN CÔNG TY

06 Giới thiệu chung

08 Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi

10 Hành trình phát triển giai đoạn 2008 - 2012

12 Sự kiện nổi bật năm 2012

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

18 Sơ đồ tổ chức

20 Giới thiệu HĐQT

22 Giới thiệu Ban Kiểm soát

24 Giới thiệu Ban Điều hành

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

28 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

32 Báo cáo của HĐQT

36 Báo cáo của Ban Kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2012

42 Thông tin chung

44 Báo cáo kiểm toán độc lập

46 Bảng cân đối kế toán

50 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

51 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

54 Thuyết minh báo cáo tài chính

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác chiến lược kính mến,

Năm 2012, kinh tế thế giới cũng như trong nước vẫn tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn. Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp vẫn đang phải nỗ lực để vượt qua khủng hoảng thì Công ty CP Bourbon Tây Ninh vẫn khẳng định được uy tín, thương hiệu của mình bằng những kết quả hoạt động rất khả quan của năm 2012.

Để có được kết quả đó, trong suốt năm vừa qua đội ngũ của Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã không ngừng sáng tạo, linh hoạt với những giải pháp không chỉ mang tính cấp bách, kịp thời mà còn thể hiện được tầm nhìn chiến lược để gia tăng năng lực cạnh tranh nhằm đảm bảo được sự phát triển bền vững cho Công ty trong xu thế kinh tế nước nhà đang hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế khu vực và quốc tế.

Thưa quý cổ đông,

Với mục tiêu trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực mía đường, cung cấp những sản phẩm có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã và đang tập trung vào ba nhóm giải pháp chiến lược sau đây:

Ôn định vùng nguyên liệu là công tác trọng tâm hàng đầu: việc phát triển vùng nguyên liệu, gia tăng năng suất, cải thiện chữ đường, cơ giới hoá nông nghiệp đã, đang và sẽ luôn là những ưu tiên hàng đầu của HĐQT, là mục tiêu chương trình hành động cốt lõi mà HĐQT Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã xác lập ngay từ khi nhận nhiệm vụ sau Đại hội thường niên năm 2011. Bằng những giải pháp cụ thể và sát với thực tế, trong năm Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã phát triển vùng nguyên liệu mía lên trên 15.000 ha và cung cấp 929.687 tấn mía, tăng 11% so với năm 2011, điều mà tưởng chừng hết sức khó khăn do vùng nguyên liệu hiện đang bị cạnh tranh khốc liệt với nhiều loại cây trồng khác như khoai mì, cao su, măng cầu,...Tuy nhiên, bằng các chính sách hỗ trợ đầu tư linh hoạt, công tác khuyến nông kịp thời, công tác thu hoạch được tổ chức một cách khoa học, sự hỗ trợ của các ban ngành địa phương và chính sách thu mua cao nhất cả nước, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã góp phần thuyết phục bà con nông dân ngày càng gắn bó hơn với cây mía. Với Phương châm *"hợp tác cùng phát triển, đồng hành cùng nhà nông"*, Công ty CP Bourbon Tây Ninh tiếp tục xác định mục tiêu trọng tâm năm 2013 vẫn là *"duy trì và phát triển vùng nguyên liệu"*, phấn đấu diện tích đầu tư gần 16.000 ha và sản lượng trên 1.000.000 tấn mía. Xác định cây mía không còn là cây xóa đói giảm nghèo mà phải là loại cây trồng mang đến sự thịnh vượng, sung túc cho nhà nông tỉnh Tây Ninh. Năm 2013 Công ty CP Bourbon Tây Ninh sẽ triển khai hàng loạt các chương trình như cánh đồng mẫu lớn, cơ giới hoá trong nông nghiệp, cải thiện chữ đường ... nhằm có thể hỗ trợ tốt nhất cho nhà nông. Việc nghiên cứu những giống mía phù hợp với từng khu vực cũng đã hoàn tất phần thử nghiệm và cũng sẽ được triển khai rộng rãi trong năm 2013. HĐQT



“Bằng những giải pháp kịp thời, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã thật sự vượt qua được những khó khăn, thách thức chung của nền kinh tế và giữ vững được tốc độ tăng trưởng.”

tin chắc rằng với các mục tiêu chặt chẽ rõ ràng cùng phương pháp triển khai quyết liệt, công tác nông nghiệp của Công ty sẽ tiếp tục gặt hái thêm nhiều thành công trong thời gian tới.

Không ngừng cải tiến công nghệ nâng cao năng lực sản xuất: Song song với vấn đề phát triển nguyên liệu thì vấn đề công nghệ, Công ty cũng rất quan tâm. Dự án nâng công suất lên 9.800 TMN đã hoàn tất thành công, giúp cho việc rút ngắn thời gian thu hoạch của bà con nông dân trồng mía. Ngoài ra, trong năm 2012, HĐQT cũng đã quyết định đầu tư và cải tạo mới lò hơi được đốt từ bã mía và từ phụ phẩm nông nghiệp theo công nghệ BIOMAS để hướng đến gia tăng luyện đường ngoài vụ, gia tăng khả năng phát điện. Dự kiến, dự án sẽ hoàn tất và đưa vào sử dụng cuối năm 2013. Ngoài việc gia tăng sản lượng đường RE lên 200.000 tấn năm 2014, sản lượng điện cung cấp cho EVN khoảng 75.000 MWH thì Công ty CP Bourbon Tây Ninh tin rằng sản phẩm đường RE của Công ty có đủ khả năng cạnh tranh với các sản phẩm đường RE đến từ các nước tiên tiến trên thế giới. Việc sản lượng đường xuất khẩu đang ngày càng gia tăng là minh chứng rõ nét nhất cho chất lượng đường của Công ty CP Bourbon Tây Ninh.

Tiếp tục đầu tư phát triển và nâng tầm đội ngũ nhân sự: Bên cạnh các giải pháp về nguyên liệu, công nghệ thì công tác đầu tư cho lực lượng nhân sự cũng được HĐQT Công ty luôn luôn chú trọng và quan tâm. Việc tăng cường các chính sách đãi ngộ, khuyến khích động viên kịp thời, các chính sách khen thưởng thoả đáng đã giúp cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty CP Bourbon Tây Ninh hoàn toàn yên tâm cống hiến với mái nhà chung Công ty CP Bourbon Tây Ninh mà vốn dĩ họ đã gắn bó gần 20 năm qua.

Bằng những giải pháp kịp thời, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã thật sự vượt qua được những khó khăn, thách thức chung của nền kinh tế và giữ vững được tốc độ tăng trưởng. Năm 2012, Công ty tiếp tục hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã giao phó, đồng thời vẫn giữ vững được cam kết về chính sách cổ tức cho quý cổ đông, nhà đầu tư. Với tinh thần nhiệt huyết, trách nhiệm trong các quyết định, HĐQT Công ty CP Bourbon Tây Ninh rất mong tiếp tục được Quý cổ đông, các nhà đầu tư, đối tác chiến lược chia sẻ và đồng thuận. HĐQT chúng tôi xem đây là sự hậu thuẫn, là động lực có sức động viên cổ vũ to lớn trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao phó trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn và thách thức như hiện nay.

Thay mặt HĐQT Công ty CP Bourbon Tây Ninh, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến toàn thể quý vị cổ đông, khách hàng, bà con nông dân và các cơ quan, đoàn thể vì đã đồng hành và ủng hộ để Công ty CP Bourbon Tây Ninh có được sự phát triển mạnh mẽ trong suốt những năm vừa qua. Tôi cũng xin gửi lời tri ân tới hơn 1.000 cán bộ nhân viên của Công ty CP Bourbon Tây Ninh, xin cảm ơn những đóng góp, cống hiến mà các anh, chị đã dành cho Công ty và mong rằng tất cả chúng ta sẽ tiếp tục phát huy nhiều hơn nữa khả năng của mình để cùng đưa Công ty CP Bourbon Tây Ninh ngày càng vươn cao vươn xa và đạt những thành quả tốt đẹp hơn trong tương lai.

Năm 2013 và những năm sắp tới chắc chắn sẽ còn tiếp tục khó khăn, đặc biệt là đối với ngành đường khi mà hàng rào thuế quan sẽ dần được dỡ bỏ. Tuy nhiên, với Công ty CP Bourbon Tây Ninh, chúng tôi tin rằng đây sẽ là cơ hội để phát triển bởi vì người tiêu dùng sẽ bắt đầu quan tâm và được tiếp cận với những sản phẩm chất lượng cao, tốt cho sức khỏe và giá cả hợp lý. Đó đều là những lợi thế mà Công ty đang nắm giữ. Công ty sẽ làm hết sức mình để đáp ứng những kỳ vọng của quý cổ đông và quý khách hàng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐẶNG HUỖNH ÚC MY

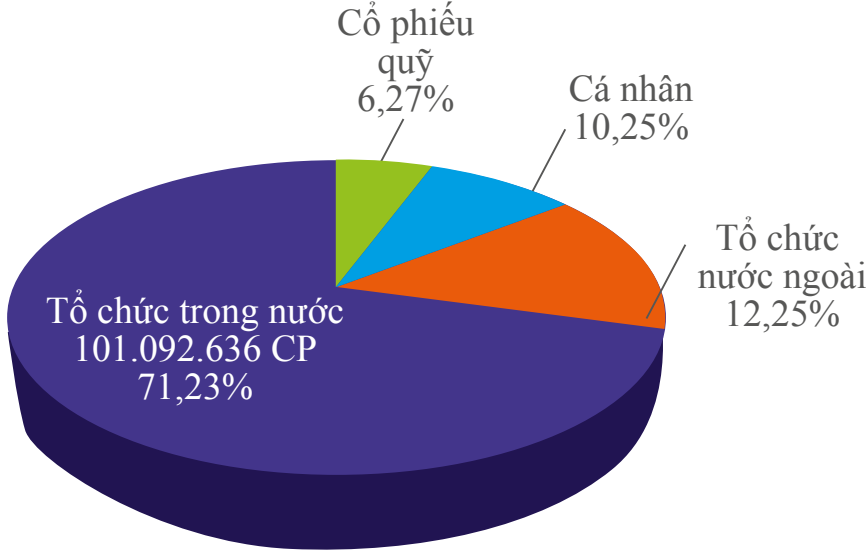
Thông tin cổ đông

Cơ cấu cổ đông
Danh sách cổ đông từ 5%

Thông tin về cổ đông và cổ phiếu

(tại thời điểm chốt danh sách cổ đông 22/03/2013)

Cơ cấu cổ đông



Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% số lượng cổ phiếu phát hành

STT	Cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Số lượng cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	0301466073	35.247.600	24,84%
2	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	303125287	35.055.670	24,70%
3	Công ty CP Điện Gia Lai	5900181213	10.700.930	7,54%

Tổng quan Bourbon Tây Ninh**Giới thiệu chung**

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi
Hành trình phát triển giai đoạn 2008 -2012
Sự kiện nổi bật năm 2012

Giới thiệu chung

Tên công ty

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH
Tên giao dịch: SOCIETE DE BOURBON TÂY NINH
Tên viết tắt: SBT

Ngày thành lập

Công ty cổ phần (CP) Bourbon Tây Ninh thành lập ngày 15 tháng 7 năm 1995 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cấp (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Tiền thân là Công ty liên doanh giữa Tập đoàn Bourbon (Pháp), Tổng Công ty mía đường II và Công ty mía đường Tây Ninh.

Thông tin liên hệ

Trụ sở chính: Xã Tân Hưng – Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: 066 3 753 250
Fax: 066 3 839 834
Website: <http://www.bourbontn.com.vn> – Email: sbttinh@bourbontn.com.vn

Các chi nhánh:**Văn phòng thương mại SBT**

Lầu 1, số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận
Điện thoại : 08 - 629 269 18/ 629 269 19 - Fax : 08 629 269 20 – Email: bourbonsugar@bourbontn.com.vn

Kho đường tại TPHCM

Địa chỉ : Công ty Thành Thành Công, KCN Tân Bình, Quận Tân Bình – Tp.HCM

Trại thực nghiệm mía Châu Thành

Địa chỉ : Xã Thái Bình – Huyện Châu Thành – Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại : 066.3823843

Trung tâm khảo nghiệm và sản xuất mía giống Tây Ninh

Địa chỉ : Xã Tân Hưng – Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại : 066.3753802

Trại mía giống Bourbon Bến Cầu

Địa chỉ : Xã Long Phước – Huyện Bến Cầu – Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại : 066.3760828 – Fax: 066.3760828

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất đường tinh luyện;
Đầu tư trồng và phát triển cây mía;
Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường;
Sản xuất điện thương phẩm;
Sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp;
Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp;
Xây dựng các công trình dân dụng (siêu thị, nhà hàng, khách sạn, ...);
Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn;
Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp;
Gia công cơ khí (các thiết bị trong ngành mía đường);
Tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường;
Sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn;
Kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở;
Đầu tư tài chính.

Vốn điều lệ

1.419.258.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm mười chín tỷ hai trăm năm mươi tám triệu đồng).

Giấy chứng nhận đầu tư

Hiện nay, Công ty CP Bourbon Tây Ninh là Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp điều chỉnh lần thứ 11 ngày 24/10/2012.

Niêm yết

Ngày 25/02/2008 Công ty niêm yết 44.824.172 cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM, chiếm 31,58% tổng số cổ phiếu phát hành. Mã chứng khoán : SBT

Ngày 17/05/2011 Ủy ban chứng khoán Nhà Nước ra quyết định chấp thuận cho Công ty CP Bourbon Tây Ninh niêm yết bổ sung 97.081.628 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) (Theo công văn số 137/UBCK-PTTT ngày 17/05/2011)

Cổ đông chiến lược nắm giữ 25% tổng số cổ phần

Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công
Công ty TNHH Thương mại - Đầu tư Thuận Thiên

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Sunwah – 115 Nguyễn Huệ, Q1, TP.HCM.
Điện thoại: 08.38219266 - Fax: 08.38219267



Tổng quan Bourbon Tây Ninh

Giới thiệu chung

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi

Hành trình phát triển giai đoạn 2008 - 2012

Sự kiện nổi bật năm 2012

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi

Sứ mệnh

“Cung cấp sản phẩm đường tinh luyện cao cấp đạt tiêu chuẩn Châu Âu, phục vụ vì sức khỏe cộng đồng”

Tầm nhìn

“Trở thành Công ty sản xuất đường tinh luyện hàng đầu Việt Nam và khu vực”

Giá trị cốt lõi

- Thỏa mãn nhu cầu khách hàng là mối quan tâm hàng đầu
- Nhân viên là tài sản
- Nông dân là bạn đồng hành
- Đề cao trách nhiệm xã hội, môi trường và cộng đồng
- Luôn là người tiên phong



Tổng quan Bourbon Tây Ninh

Giới thiệu chung

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi

Hành trình phát triển giai đoạn 2008 - 2012

Sự kiện nổi bật năm 2012

Hành trình phát triển 2008 - 2012**2008**

Công ty CP Bourbon Tây Ninh chính thức niêm yết 44.824.172 cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: SBT.

2009

Cũng nằm trong chiến lược đa dạng hóa hoạt động, tháng 10/2009, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã chính thức tổ chức Lễ động thổ khởi công Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa - dự án khu công nghiệp sinh thái đầu tiên với quy mô hơn 1.000 ha tại Việt Nam.

2010

Cuối năm 2010, sau hơn 15 năm gắn bó, Tập đoàn Bourbon quyết định thoái vốn tại Công ty CP Bourbon Tây Ninh và chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần sở hữu cho các đối tác Việt Nam. Theo đó, Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công đã chính thức trở thành cổ đông lớn nhất của Công ty CP Bourbon Tây Ninh và chiếm 24,5% tổng lượng cổ phần phát hành.

**2011**

Lần đầu tiên, sau 16 năm hoạt động, Công ty CP Bourbon Tây Ninh triển khai dự án nâng công suất nhà máy từ 8.000 lên 9.000 tấn mía/ngày, điều mà Tập đoàn Bourbon đã ấp ủ từ ngày thành lập Công ty nhưng vẫn chưa thể thực hiện. Dự án này đạt thành công vượt ngoài mong đợi và đã được đưa vào hoạt động trong vụ ép 2011-2012.

2012

Tiếp nối thành công của dự án nâng công suất, năm 2012 Công ty CP Bourbon Tây Ninh tiếp tục triển khai nâng công suất ép từ 9000 lên 9.800 tấn mía/ngày. Dự án đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động trong vụ ép 2012 – 2013. Cũng trong năm 2012, với mục tiêu đẩy mạnh đầu tư, mở rộng năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường, Công ty CP Bourbon Tây Ninh cũng lắp đặt và vận hành thành công dự án Affinage (xưởng hòa tan đường thô) góp phần gia tăng một sản lượng lớn đường RE – vốn đang là sản phẩm chủ lực của Công ty CP Bourbon Tây Ninh và đang được thị trường tin dùng.



Tổng quan Bourbon Tây Ninh

Giới thiệu chung

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi

Hành trình phát triển giai đoạn 2008 - 2012

Sự kiện nổi bật năm 2012**Sự kiện nổi bật năm 2012**sản lượng mía ép đạt **929.678** tấnsản lượng đường tiêu thụ **100.436** tấnsản lượng đường thô nguyên liệu **38.851** tấnsản lượng điện tiêu thụ **47.664** MwhTỔNG DOANH THU
& THU NHẬP KHÁC **1.963** TỶ ĐỒNGLỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ **422** TỶ ĐỒNG

“Chỉ trong khủng hoảng, chúng ta mới biết doanh nghiệp nào là thật sự có nội lực” – Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bourbon Tây Ninh.

Vượt qua những áp lực, khó khăn chung của nền kinh tế, những thành tựu xuất sắc của Công ty CP Bourbon Tây Ninh trong năm 2012 là lời khẳng định mạnh mẽ về một định hướng chiến lược đúng đắn, một nền tảng nội lực vững vàng và sự đoàn kết, đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên ngay cả trong những chặng đường nhiều gian nan, thử thách.

Sự kiện nổi bật năm 2012**1 Giải vàng Chất lượng quốc gia năm 2012:**

Năm 2012 Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã đạt “Giải vàng Chất lượng quốc gia năm 2012” do Thủ tướng Chính phủ khen tặng. Đây là giải thưởng lớn và có uy tín do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hàng năm nhằm tuyên dương những đơn vị dẫn đầu về công nghệ và chất lượng. Với ưu thế về công nghệ hiện đại, quy trình sản xuất khép kín kết hợp đồng bộ với phương pháp quản lý khoa học và tiên tiến, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã liên tiếp 2 năm liền được vinh danh ở hạng mục giải bạc (2011) và giải vàng (2012).

**2 Công ty CP Bourbon Tây Ninh được UBND tỉnh Tây Ninh khen tặng là Đơn vị có nhiều thành tích xuất sắc trong vụ sản xuất 2011-2012**

Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc nhận bằng khen của UBND tỉnh Tây Ninh

Tổng quan Bourbon Tây Ninh

Giới thiệu chung
Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi
Hành trình phát triển giai đoạn 2008 - 2012
Sự kiện nổi bật năm 2012

Sự kiện nổi bật năm 2012 (tiếp theo)

3 VN 30 lần 2:

Ngày 19/07/2012 lần thứ 2 liên tiếp, Công ty CP Bourbon Tây Ninh được xếp vào danh sách VN30 do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) lựa chọn và công bố.



4 Trao tặng nhà đại đoàn kết và tham gia công tác từ thiện:

Năm 2012, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã xây 18 căn nhà đại đoàn kết, 2 căn nhà tình thương và thực hiện các công tác từ thiện khác như đóng góp quỹ vì người nghèo, trao tặng tập và xe đạp cho học sinh nghèo, với tổng kinh phí 1.675.000.000 đồng.



5 Công ty CP Bourbon Tây Ninh là một trong 8 Doanh nghiệp của tỉnh Tây Ninh được xếp vào danh sách V1000:

Bảng xếp hạng V1000 là bảng xếp hạng uy tín được công bố hàng năm bởi Tạp chí thuế, Tổng Cục Thuế và báo điện tử Vietnamnet, nhằm ghi nhận và tôn vinh các doanh nghiệp có mức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cao, tuân thủ pháp luật về chính sách thuế (qua đó thể hiện hiệu quả kinh doanh và ý thức trách nhiệm xã hội cao). Năm 2012, Công ty CP Bourbon Tây Ninh vinh dự là một trong 8 doanh nghiệp của tỉnh Tây Ninh có mặt trong bảng xếp hạng này. Đóng góp cho ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương luôn là những tiêu chí được Ban lãnh đạo Công ty CP Bourbon Tây Ninh quan tâm và đầu tư nghiêm túc.



6 Đầu tư máy bốc mía cho nông dân:

Nằm trong mục tiêu từng bước cơ giới hóa công tác trồng và thu hoạch mía, tiếp nối thành công năm 2011, năm 2012 Công ty CP Bourbon Tây Ninh tiếp tục đầu tư thêm 6 máy bốc mía cho bà con nông dân theo hình thức đầu tư trả chậm với lãi suất ưu đãi. Ngày 9/11/2012, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã tiến hành giao máy đến tận tay bà con nông dân, nâng tổng số máy bốc mía Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã đầu tư cho nông dân lên 16 máy. Chương trình này đang nhận được sự ủng hộ rất lớn từ phía bà con nông dân và chính quyền địa phương. Công ty CP Bourbon Tây Ninh hy vọng rằng, với sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà máy và nông dân, tốc độ cơ giới hóa sẽ nhanh và hiệu quả hơn trong thời gian tới.



Tổng giám đốc Công ty CP Bourbon Tây Ninh trao tượng trưng máy bốc mía cho Bà con nông dân vụ sản xuất 2012-2013

7 Đầu tư máy thu hoạch mía vụ thu hoạch 2012 - 2013:

Với phương châm chủ động và tiên phong trong lĩnh vực cơ giới hóa, năm 2012 Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã mạnh dạn đầu tư triển khai máy thu hoạch mía cắt khúc xuất xứ từ Brazil. Có thể nói đây là một bước tiến mang tính đột phá không chỉ đối với Công ty CP Bourbon Tây Ninh mà còn đối với quá trình cơ giới hóa của ngành mía đường nói chung. Với thiết bị này, công tác thu hoạch mía của bà con nông dân sẽ trở nên dễ dàng và chủ động hơn rất nhiều.



8 Nhận được chứng chỉ FSSC 22000:

Tháng 11/2012, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã chính thức được cấp chứng chỉ FSSC 22000 - Chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm và tự hào là Công ty đầu tiên trong lĩnh vực mía đường của Việt Nam đạt được chứng chỉ này. Thông qua sự kiện này, một lần nữa khẳng định, Công ty CP Bourbon Tây Ninh cam kết mạnh mẽ trong việc đáp ứng mong đợi của khách hàng về một sản phẩm tinh sạch, không sử dụng hóa chất, phụ gia, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn, chất lượng quốc tế giữ đúng phương châm "phục vụ vì sức khỏe cộng đồng".



“**Con người** là tài sản quý nhất
tạo nên **thành công**
của Công ty CP Bourbon Tây Ninh”

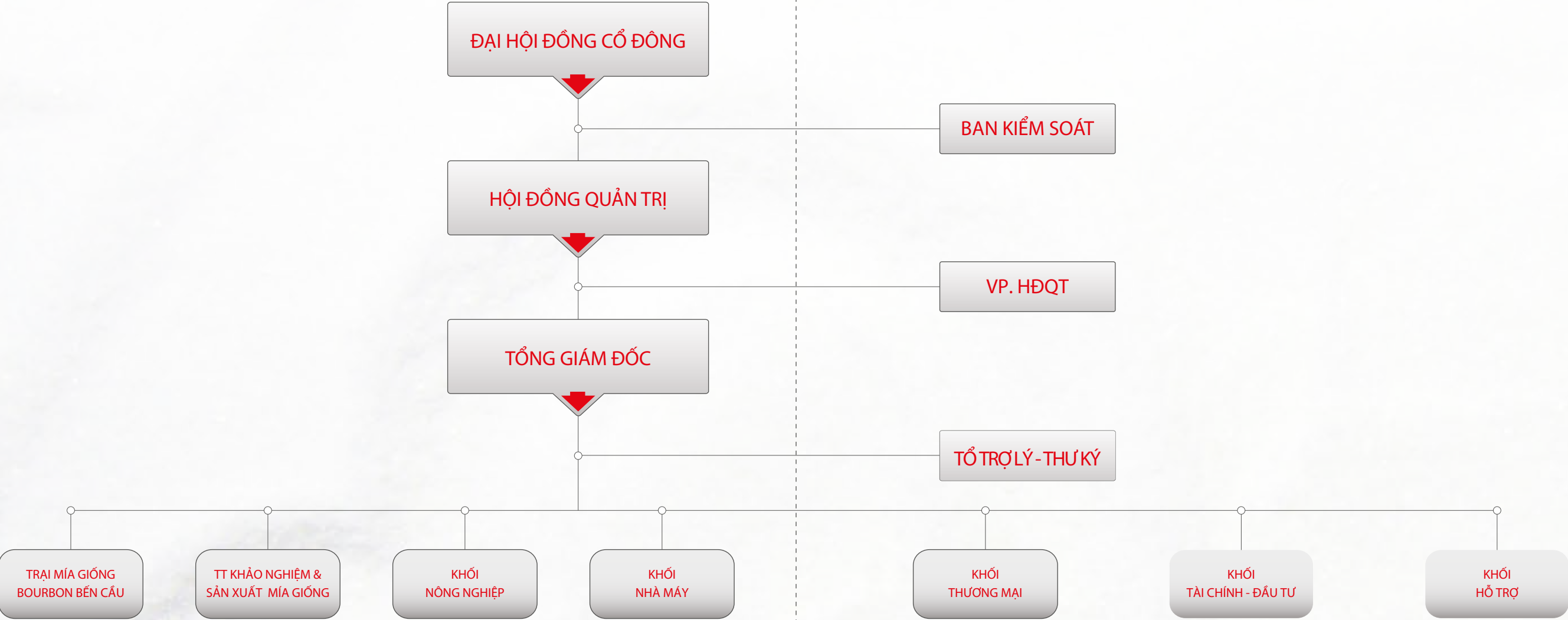
Con người là tài sản quý nhất tạo nên thành công của Công ty CP Bourbon Tây Ninh, do đó việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được chú trọng. Sau 17 năm hoạt động, Công ty đã quy tụ được đội ngũ nhân sự lâu năm và giàu kinh nghiệm. Trải qua các khóa đào tạo chuyên sâu trong và ngoài nước, kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình công tác, đội ngũ kỹ sư, công nhân của nhà máy đã hoàn toàn làm chủ được công nghệ mà trước đây do những chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm. Theo định hướng phát triển của Công ty, nhân sự Công ty CP Bourbon Tây Ninh sẽ tiếp tục được đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, gia tăng chất lượng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh trong các niên vụ tiếp theo.



Tổ chức & nhân sự

Sơ đồ tổ chức
Giới thiệu Hội đồng Quản trị
Giới thiệu Ban Kiểm soát
Giới thiệu Ban Điều hành

Sơ đồ tổ chức



Tổ chức & nhân sự

Sơ đồ tổ chức
Giới thiệu Hội đồng quản trị
Giới thiệu Ban Kiểm soát
Giới thiệu Ban Điều hành

Giới thiệu Hội đồng quản trị



Bà ĐẶNG HUỖNH ỨC MY
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, đã từng nắm giữ các vị trí quan trọng như: Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa, Phó Chủ tịch HĐQT, Cố vấn Ban Tổng giám đốc, Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công.

Sau khi ông Philippe Lombard từ nhiệm, Bà đã được HĐQT tín nhiệm và bổ nhiệm vào vị trí Thành viên HĐQT vào tháng 1/2012.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty CP Bourbon Tây Ninh, Bà đã chính thức được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016.



Ông LÊ VĂN DĨNH
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông là Kỹ sư công nghệ, và là một trong những cây đại thụ của ngành đường Việt Nam. Ông đã từng là Giám đốc Công ty CP Đường Biên Hòa, Giám đốc Công ty ECotech ..., từng tham gia xây dựng nhiều nhà máy đường tại Việt Nam. Hiện đã nghỉ hưu, nhưng ông vẫn không ngừng cùng Công ty CP Bourbon Tây Ninh tìm kiếm những hướng phát triển mới cho ngành đường Việt Nam.

Từ năm 2000 đến nay, ông là Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Bourbon Tây Ninh. Với kiến thức và kinh nghiệm nhiều năm trong ngành đường, Ông được HĐQT giao trọng trách Cố vấn về kỹ thuật cho Công ty CP Bourbon Tây Ninh.



Ông VÕ TÔNG XUÂN
Thành viên Hội đồng quản trị

Giáo sư - Tiến sĩ, Nhà giáo nhân dân Võ Tông Xuân, hiện đang là nhà khoa học hàng đầu về lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam. Ông đã được tặng nhiều danh hiệu cao quý trong nước và quốc tế, được Nhà nước Việt Nam công nhận là Anh hùng lao động vì những đóng góp của ông đối với nền nông nghiệp Việt Nam và thế giới. Hiện nay, Ông là Hiệu trưởng trường Đại học Tân Tạo, Ủy viên HĐQT Trung tâm phát triển phân bón quốc tế (Alabama, Mỹ), Chủ tịch Hội đồng khoa học chương trình Kinh tế môi trường ĐNA (Singapore), Ủy viên HĐQT Học viện kinh tế Á Châu (Philippines). Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Ông được tín nhiệm và được bầu làm Thành viên HĐQT Công ty CP Bourbon Tây Ninh. Với kiến thức uyên bác và kinh nghiệm nhiều năm trong ngành nông nghiệp, Ông được HĐQT giao trọng trách Cố vấn về nông nghiệp cho Công ty CP Bourbon Tây Ninh.



Ông THÁI VĂN CHUYỀN
Thành viên Hội đồng quản trị

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh năm 2001 và đại học Luật Hà Nội năm 2010. Ông đã và đang nắm giữ vị trí quan trọng như: Tổng giám đốc Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đường Ninh Hòa, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện Gia Lai, Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công.

Với kiến thức và kinh nghiệm nhiều năm trong công tác quản trị và điều hành, Ông được HĐQT tín nhiệm và bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bourbon Tây Ninh từ ngày 1/11/2012.



Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG
Thành viên Hội đồng quản trị

Tốt nghiệp Kỹ sư khoa Hoá thực phẩm Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh; tốt nghiệp MBA tại Đức về Tư vấn quản trị sản xuất, có 14 năm kinh nghiệm trong ngành công nghệ sản xuất đường. Gia nhập Công ty CP Bourbon Tây Ninh từ năm 1998, Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí như Giám đốc Nhà máy, Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật, chịu trách nhiệm điều hành đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm cùng công nghệ và hệ thống thiết bị tiên tiến bậc nhất ngành đường Việt Nam.

Sau khi bà Trần Quế Trang từ nhiệm, Ông được HĐQT tín nhiệm và bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT Công ty CP Bourbon Tây Ninh từ ngày 1/3/2013.

Tổ chức & nhân sự

Sơ đồ tổ chức
Giới thiệu Hội đồng quản trị
Giới thiệu Ban Kiểm soát
Giới thiệu Ban Điều hành

Giới thiệu Ban Kiểm soát



Bà NGUYỄN THÙY VÂN
Trưởng Ban Kiểm soát

Là cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, MBA – Western Pacific University, Bà có hơn 10 năm kinh nghiệm trong công tác Kế toán – Tài chính – Đầu tư trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, chứng khoán, hàng hoá phái sinh, kinh doanh kho vận.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty CP Bourbon Tây Ninh, Bà được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát. Hiện tại Bà cũng đang giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công, Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty CP Đường Biên Hoà.



Ông NGUYỄN TIẾN CƯỜNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp chuyên ngành Kỹ sư hóa, ông Nguyễn Tiến Cường đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất chế biến đường. Ông đã từng nắm giữ những chức vụ quan trọng tại các Công ty đường như: Phó giám đốc Kỹ thuật Công ty Mía đường Trà Vinh, Phó giám đốc ngành Đường Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công, Thành viên HĐQT Công ty CP Mía đường Phan Rang. Hiện nay, Ông đang là Phó Tổng giám đốc Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty CP Bourbon Tây Ninh, Ông được tín nhiệm và được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát.



Ông NGUYỄN TRỌNG HÒA
Thành viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Kỹ sư Hóa Chế biến thực phẩm của trường Đại học Bách khoa Tp.HCM. Trong 16 năm gắn bó với Công ty CP Bourbon Tây Ninh, Ông có nhiều cống hiến cho công tác kỹ thuật và đã từng nhận được bằng khen cấp tỉnh về sáng chế, phát minh công trình khoa học kỹ thuật. Hiện nay, Ông đang là Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm và Sản xuất mía giống Tây Ninh.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty CP Bourbon Tây Ninh, Ông được tín nhiệm và được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát.

Tổ chức & nhân sự

Sơ đồ tổ chức
Giới thiệu Hội đồng quản trị
Giới thiệu Ban Kiểm soát
Giới thiệu Ban Điều hành

Giới thiệu Thành viên Ban Điều hành



Ông NGUYỄN BÁ CHỦ
Tổng giám đốc

Là Cử nhân Khoa Kinh tế Công nghiệp trường Đại học kinh tế Tp.HCM, bắt đầu làm việc tại Công ty Đường Bình Dương từ năm 1987, đến nay ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành mía đường. Ông đã từng tham gia nhiều khóa đào tạo quản lý cấp cao trong và ngoài nước, đặc biệt là các khóa đào tạo chuyên sâu về quản lý sản xuất trong ngành mía đường. Ông đã từng là Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công. Từ tháng 10/2010, Ông được HĐQT tín nhiệm và bổ nhiệm vào chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Bourbon Tây Ninh. Trong một thời gian ngắn, dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ sát sao của HĐQT, Ông đã cùng Ban Điều hành đưa Công ty CP Bourbon Tây Ninh đến những thành công vượt bậc về sản lượng mía ép, doanh thu, lợi nhuận và biến ước mơ nâng công suất của Công ty CP Bourbon Tây Ninh thành hiện thực.



Ông TRỊNH MINH CHÂU
Phó Tổng giám đốc Thường trực

Tốt nghiệp Cử nhân Khoa Kế toán doanh nghiệp, Thạc sĩ ngành Tài chính Ngân hàng, nhưng Ông lại có duyên gắn bó với ngành mía đường từ rất sớm. Đến nay Ông đã có hơn 15 năm kinh nghiệm quản lý trong ngành. Ông đã từng nắm giữ những chức vụ quan trọng như: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Mía đường Sóc Trăng, Thành viên HĐQT Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai và Công ty CP Đường Ninh Hòa, Giám đốc ngành Đường Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công, Phó Chủ tịch Hiệp hội Mía đường Việt Nam.

Hiện nay, Ông là Phó Tổng giám đốc Thường trực Công ty CP Bourbon Tây Ninh, phụ trách khối Nông nghiệp và khối Hỗ trợ.



Bà TRƯƠNG THỊ HỒNG
Phó Tổng giám đốc Tài chính

Sau giải phóng 1975, Bà đã tham gia và trưởng thành từ những hoạt động phong trào Đoàn. Bà đã từng rất thành công khi nắm giữ những vị trí quan trọng như: Phó Bí thư Thị xã Đoàn, Phó Chánh Văn phòng Thị xã ủy – phụ trách Tài chính Thị xã ủy, Trưởng phòng Tài chính Thị xã, tốt nghiệp Đại học Kinh tế và giữ trọng trách Phó giám đốc Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh cho đến ngày nghỉ hưu. Với kiến thức và kinh nghiệm dày dặn trong lĩnh vực tài chính, sau khi nghỉ hưu Bà đã được HĐQT Công ty CP Bourbon Tây Ninh tín nhiệm và mời tham gia vào Ban Tổng giám đốc. Từ năm 2010, Bà nắm giữ vị trí Giám đốc Tài chính, tháng 7/2012, Bà được HĐQT bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Tài chính. Những cống hiến của Bà đã góp phần không nhỏ đưa Công ty CP Bourbon Tây Ninh trở thành doanh nghiệp có tiềm lực tài chính vững mạnh như ngày hôm nay.

Tổ chức & nhân sự

Sơ đồ tổ chức
Giới thiệu Hội đồng quản trị
Giới thiệu Ban Kiểm soát
Giới thiệu Ban Điều hành

Giới thiệu Thành viên Ban Điều hành



Ông ĐINH VĂN HIỆP
Giám đốc Nông nghiệp

Tốt nghiệp Kỹ sư Điện tử, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Bách Khoa Tp.HCM. Kinh nghiệm 07 năm là giảng viên, hơn 15 năm công tác qua nhiều ngành khác nhau: giáo dục, viễn thông, thủy điện, đầu tư tài chính, du lịchđã trải qua nhiều vị trí quản lý khác nhau từ Tổ trưởng, Trưởng phòng cho đến Chủ tịch HĐQT các Công ty. Với lĩnh vực mía đường, Ông đã có hơn 03 năm gắn bó và từng đảm nhận vị trí Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Thường trực HĐQT Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai. Gia nhập Công ty CP Bourbon Tây Ninh từ tháng 1/2013, Ông hiện là Giám đốc Khối Nông nghiệp của Công ty CP Bourbon Tây Ninh.



Ông NGUYỄN THÀNH KHIÊM
Giám đốc Nhà máy

Là Kỹ sư Hóa Công nghệ trường Đại học Hóa - Lomonosov, Moscow, Nga; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh trường Đại học Gloucestershire. Ông Nguyễn Thành Khiêm đã gắn bó với Công ty CP Bourbon Tây Ninh từ những năm mới thành lập. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc nhà máy, điều hành đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm và đầy nhiệt huyết. Trong vụ sản xuất 2011-2012, Ông và đội ngũ kỹ sư đã thực hiện thành công dự án nâng công suất nhà máy lên 9.800 tấn mía/ngày, góp phần tăng sản lượng mía ép, giảm áp lực thu hoạch cho khu vực nông nghiệp.



Bà DƯƠNG THỊ TÔ CHÂU
Giám đốc khối Thương Mại

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế và được đào tạo chuyên sâu về quản trị nhãn hiệu hàng hoá, quản lý doanh nghiệp, quản lý hệ thống chất lượng, và quản trị kinh doanh ngoại thương. Bà đã có kinh nghiệm quản lý kinh doanh ngành đường trong suốt 13 năm trước khi gia nhập vào đại gia đình Công ty CP Bourbon Tây Ninh.

Từ năm 2010 đến nay, với vị trí Giám đốc khối Thương Mại, Bà cùng các cộng sự đã mở rộng hệ thống phân phối các sản phẩm của Công ty CP Bourbon Tây Ninh đến khắp các tỉnh thành trong cả nước, đang tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu ra các nước trong khu vực Châu Á và Trung Đông.



Ông NGUYỄN VĂN ĐỆ
Giám đốc khối Tài chính & Đầu tư

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính doanh nghiệp trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, cử nhân Anh Văn ngành Ngữ Văn - Anh trường Đại học KHXH & NV. Ông đã có hơn 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính trước khi gia nhập vào Công ty CP Bourbon Tây Ninh, với kinh nghiệm và kiến thức từ những khoá đào tạo chuyên sâu về quản trị tài chính, hoạch định ngân sách, thẩm định dự án... Ông được xem là đã có những đóng góp quan trọng cho hoạt động tài chính của Công ty CP Bourbon Tây Ninh trong hơn 1 năm qua. Với sức trẻ, nhiệt huyết cùng với sự quyết đoán và minh bạch trong công việc, Ông đang có những bước tiến quan trọng trong sự nghiệp tại Công ty CP Bourbon Tây Ninh. Hiện ông đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc khối Tài chính & Đầu tư.



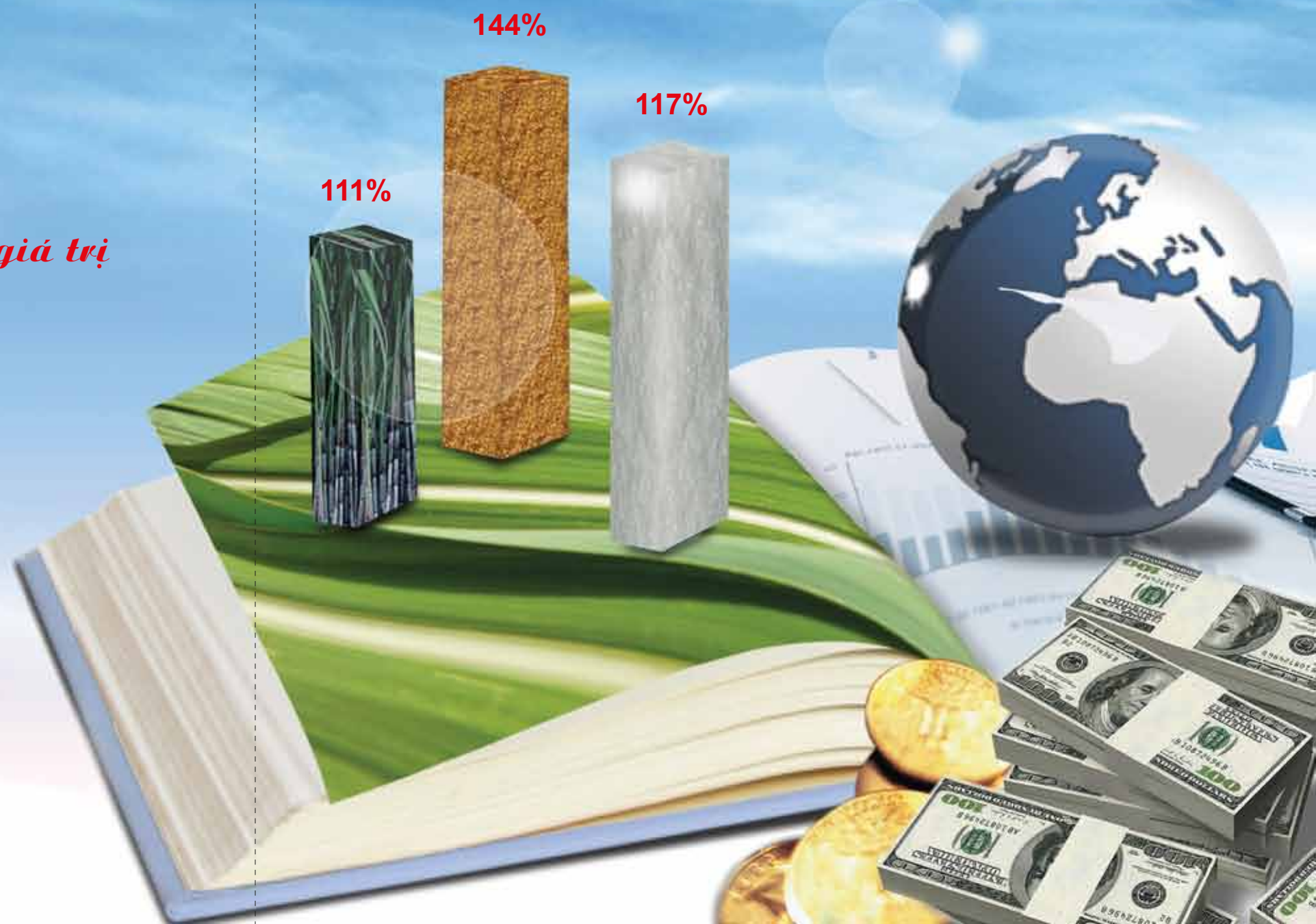
Ông LÊ AN KHANG
Giám đốc khối Hỗ trợ

Tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Kinh tế Tp.HCM, tham gia nhiều khoá đào tạo trong và ngoài nước với các khóa học ngắn hạn CEO, M&A, EQ, Ông đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý dự án bất động sản, đầu tư tài chính và mía đường tại các Công ty như: Công ty Bay dịch vụ hàng không, Công ty CP Khai thác và quản lý khu công nghiệp Đặng Huỳnh, Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công, Công ty CP Đường Ninh Hòa, Công ty CP Mía đường 333. Gia nhập Công ty CP Bourbon Tây Ninh từ tháng 1/2013, hiện Ông đang là Giám đốc Khối Hỗ trợ của Công ty CP Bourbon Tây Ninh. Với sức trẻ, sự năng động và một nền tảng kiến thức vững chắc, Ông đang từng bước khẳng định được vị trí của mình tại Công ty CP Bourbon Tây Ninh.



BOURBON
TAY NINH

Khai phá tiềm năng - Gia tăng giá trị



Báo cáo hoạt động

Báo cáo của Ban Điều hành
Báo cáo của Hội đồng quản trị
Báo cáo của Ban Kiểm soát

Báo cáo của Ban Điều hành

PHẦN 1. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012 :

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Năm 2012, với bối cảnh nền kinh tế vĩ mô nước nhà gặp nhiều khó khăn tác động đến tất cả các lĩnh vực ngành nghề, trong đó ngành mía đường cũng không nằm ngoài sự tác động đó. Tuy nhiên với sự nỗ lực, cố gắng của toàn thể cán bộ nhân viên, cùng với sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, các ngành các cấp, sự quan tâm sát sao của HĐQT đã tạo điều kiện để BDH Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT đã giao phó trong năm 2012, kết quả đạt được như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt
1	Sản lượng mía ép	Tấn	≥ 840.000	929.678	111%
2	Sản lượng đường thô nguyên liệu	Tấn	≥ 27.000	38.851	144%
3	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	85.900	100.436	117%
4	Tổng doanh thu (gồm phụ phẩm)	Tỷ đồng	1.810	1.962,75	108%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	400	422,27	105%

- Trong năm 2012, sản lượng tiêu thụ đường RE của Công ty CP Bourbon Tây Ninh đạt hơn 100.400 tấn đường, duy trì và có được một lực lượng khách hàng ổn định, giữ vững chất lượng, phương thức phục vụ hiệu quả và giữ vững được thị phần cũng như vị thế của Công ty CP Bourbon Tây Ninh trên thị trường nội địa. Xác định khách hàng kênh Công nghiệp là đối tượng chính, hiện đang chiếm 80% - 90% lượng khách hàng của Công ty CP Bourbon Tây Ninh. Công ty CP Bourbon Tây Ninh luôn duy trì mối quan hệ chiến lược với nhóm khách hàng này, tiếp tục giữ vững vị trí là nhà cung ứng đường cho hầu hết các công ty dược phẩm trong nước, là sự lựa chọn hàng đầu của các công ty giải khát, thực phẩm luôn đảm bảo uy tín chất lượng, với phong cách phục vụ chuyên nghiệp nhanh chóng, hiệu quả cao.

- Đối với các sản phẩm dành cho người tiêu dùng, Công ty CP Bourbon Tây Ninh thực hiện các hoạt động quảng

bá về chất lượng đường Mimosa, Bonsu nhằm chuyển tải thông tin về một sản phẩm an toàn, tinh khiết, siêu sạch phục vụ vì sức khỏe cộng đồng. Thông qua kênh siêu thị kết hợp các chương trình quảng cáo tăng mức độ nhận biết thương hiệu và uy tín thương hiệu, tăng sự chọn lựa của khách hàng. Kết hợp phổ biến chất lượng của Công ty CP Bourbon Tây Ninh so sánh với các loại đường nhập lậu không nhãn hàng hóa, độc hại với người tiêu dùng. Tiếp tục tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia 2012.

- Công ty đã nhập khẩu thành công đường thô nguyên liệu theo phương thức tạm nhập tái xuất, và hiện tại đã tái xuất toàn bộ lô hàng nhập khẩu trên. Hiện các mặt hàng Mimosa của Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã có mặt tại các quốc gia Singapore, Malaysia, Syria, Jordan, Srilanka, Mauritius, đạt được sự hài lòng của đối tác nước ngoài về chất lượng và uy tín của sản phẩm. Đây là bước mở đầu đầy thuận lợi giúp Công ty



Thành viên Ban Điều hành

CP Bourbon Tây Ninh mạnh dạn thúc đẩy chương trình xuất khẩu trong những năm tiếp theo.

- Ngoài ra, Công ty đã linh hoạt trong việc mở rộng đầu tư nhằm gia tăng lợi thế, gia tăng giá trị cho Công ty và cổ đông. Với tổng giá trị đầu tư khoảng 529,53 tỷ đồng, Công ty CP Bourbon Tây Ninh xem đây là hoạt động đầu tư chiến lược quan trọng góp phần không nhỏ trong việc đem lại lợi nhuận cao cho Công ty. Theo đó, Công ty CP Bourbon Tây Ninh chủ yếu đầu tư chiến lược vào các doanh nghiệp cùng ngành đường như: Công ty Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, Công ty CP Đường Ninh Hòa, Công ty CP Đường La Ngà, Công ty CP Đường Biên Hòa, nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh cho Công ty CP Bourbon Tây Ninh trong xu thế hội nhập.

2. Phân tích một số nhân tố chủ yếu tạo nên kết quả như trên:

2.1 Tập trung cho công tác nguyên liệu:

- Xác định vùng nguyên liệu là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty CP Bourbon Tây Ninh nên ngay từ đầu vụ sản xuất 2011-2012, HĐQT đã hạ quyết tâm đầu tư đạt trên 15.000 ha mía. Trong điều kiện vùng nguyên liệu tại tỉnh Tây Ninh đang ngày càng giảm sút, BDH cùng với HĐQT đã xây dựng những chính sách đầu tư, hỗ trợ để giữ nông dân Tây Ninh gắn bó với cây mía, đồng thời với việc mở

rộng đầu tư trồng mới tại biên giới Campuchia để đảm bảo đủ sản lượng mía cho hoạt động đang ngày càng mở rộng của Công ty CP Bourbon Tây Ninh.

- Mở rộng chính sách hỗ trợ thu hoạch mía cho bà con nông dân, tiếp tục đầu tư thêm 6 máy bóc mía để nâng tổng số máy bóc mía phục vụ cho thu hoạch lên thành 16 máy, giảm thiểu chi phí thu hoạch, tăng nhanh thời gian giao mía về nhà máy để giữ được chữ đường của mía, đảm bảo được quyền lợi cho bà con nông dân và đặc biệt là chính sách này đã góp phần đáng kể trong việc giải quyết những khó khăn trong khâu thu hoạch mía vốn đã tồn tại nhiều năm nay.

- Cũng trong định hướng cơ giới hóa năm 2012, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã mạnh dạn đầu tư 1 máy thu hoạch mía cắt khúc và đưa vào hoạt động thử nghiệm ngay trong vụ sản xuất 2012-2013. Kết quả đạt được bước đầu rất tốt đẹp, tạo nền tảng để BDH mạnh dạn hơn nữa cho việc cơ giới hóa trong tương lai.

- Tổ chức cải tiến công tác quản lý sản xuất, thu hoạch mía như tổ chức lại đầu công thu hoạch, ban hành chính sách đối với mía cháy, mía tồn sân...đã ngày càng tạo được niềm tin cho bà con nông dân, thắt chặt thêm mối quan hệ đồng hành của nhà máy đối với nông dân trồng mía.

Báo cáo hoạt động

Báo cáo của Ban Điều hành
Báo cáo của Hội đồng quản trị
Báo cáo của Ban Kiểm soát

Báo cáo của Ban Điều hành

(tiếp theo)

2.2 Tiếp tục đầu tư cải tiến công nghệ - mở rộng sản xuất:

- Hoàn thành dự án nâng công suất từ 9.000 TMN lên 9.800 TMN với chi phí đầu tư 47 tỷ đồng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty và tối đa hóa hiệu quả khai thác hệ thống dây chuyền, thiết bị.
- Hoàn thành dự án Affinage (luyện đường thô) với vốn đầu tư 7,2 tỷ đồng, nâng cao năng lực sản xuất.
- Hiện lượng đường luyện thêm trong mỗi vụ đã đạt - 30.000 đến 35.000 tấn góp phần gia tăng sản lượng đường luyện của Công ty đạt trên 100.400 tấn/năm.

2.3 Công tác nhân sự :

- Trong năm 2012, tình hình nhân sự duy trì ổn định, tổng số lao động đến tháng 12/2012 đạt hơn 1.000 nhân viên (hơn 500 nhân viên biên chế, hơn 300 lao động thời vụ, hơn 300 lao động công nhật - công khoán).

Bổ nhiệm vị trí mới:

STT	Họ tên	Vị trí	Ngày nhận quyết định
1	Trịnh Minh Châu	Phó TGĐ Thường trực	02/07/2012
2	Phạm Hồng Dương	Phó TGĐ Kỹ thuật	02/07/2012
3	Trương Thị Hồng	Phó TGĐ Tài chính	02/07/2012
4	Nguyễn Văn Đệ	Giám đốc khối Tài chính - Đầu tư	02/07/2012
5	Nguyễn Quốc Việt	Giám đốc khối Hỗ trợ	02/07/2012
6	Nguyễn Thành Khiêm	Giám đốc khối Nhà máy	01/08/2012

Một số thay đổi vị trí khác:

STT	Họ tên	Vị trí	Ngày nhận quyết định
1	Nguyễn Quốc Việt	Từ chức Giám đốc khối Hỗ trợ	01/01/2013
2	Kumarasamy Nallaiyan	Bổ nhiệm vị trí Trợ lý PTGD TT thay thế cho vị trí Giám đốc khối Nông nghiệp	15/01/2013
3	Đình Văn Hiệp	Bổ nhiệm vị trí Giám đốc khối Nông nghiệp thay thế cho vị trí Phó Giám đốc Thường trực - khối Nông nghiệp	15/01/2013
4	Lê An Khang	Bổ nhiệm Giám đốc khối Hỗ trợ	01/02/2013
5	Phạm Hồng Dương	Từ chức Phó TGĐ Kỹ thuật	01/03/2013

- Công tác tuyển dụng: xúc tiến nhanh chóng việc tìm nguồn ứng viên và tổ chức phỏng vấn, tỷ lệ tuyển chọn được ứng viên trong năm bình quân đạt khoảng 98%, cơ bản đáp ứng được nguồn lực cho các phòng ban.
- Công tác đào tạo: xúc tiến nhanh chóng việc tìm các đối tác đào tạo. Đã tổ chức 56 khóa đào tạo (Trong đó: thực hiện 35/72 khóa, đạt 49% so với kế hoạch đào tạo năm 2012. Thực hiện thêm 21 khóa đào tạo phát sinh ngoài kế hoạch, chiếm 30 % so với tổng số khóa theo kế hoạch).
- Công tác duy trì, ổn định nguồn nhân lực: thực hiện việc chi trả lương, thưởng, các chế độ đãi ngộ cho Cán bộ nhân viên kịp thời, tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
- Trong năm 2012, Ban điều hành Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã có một số thay đổi về nhân sự trong bộ máy tổ chức, như sau:

PHẦN 2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013 :

1. Một số nhiệm vụ chính trong năm 2013:

1.1 Về nguyên liệu:

- Dựa trên Quy hoạch của UBND tỉnh Tây Ninh, Công ty CP Bourbon Tây Ninh sẽ triển khai duy trì vùng nguyên liệu hiện có và đầu tư mở rộng diện tích vùng nguyên liệu ở những vùng còn tiềm năng trong và ngoài Tỉnh.
- Ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư nông nghiệp, đặc biệt chú trọng phát triển nguyên liệu tại địa bàn tỉnh Tây Ninh.
- Nâng cao công tác khuyến nông nhằm cải thiện năng suất, chất lượng mía. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách đến người trồng mía, tiếp tục thực hiện khảo nghiệm các loại giống mía mới và thử nghiệm các loại phân bón để nâng cao sản lượng, chữ đường.
- Tăng cường cơ giới hóa nông nghiệp để tiết kiệm chi phí đầu tư cho nông dân, góp phần giảm giá thành cây mía nhằm hướng đến gia tăng năng lực cạnh tranh trong thời hội nhập.
- Đầu tư thêm cấu trúc hạ tầng trọng yếu: kênh tưới, kênh tiêu, đường vận chuyển mía... trong vùng quy hoạch. Đồng thời tăng cường công tác khuyến nông để bà con nông dân có đầy đủ thông tin về phát triển cây mía cũng như nắm bắt các chính sách kịp thời.
- Xây dựng các cánh đồng mẫu lớn làm nền tảng phát triển vùng nguyên liệu tập trung trong tương lai.

1.2 Về sản xuất:

- Đầu tư lò hơi sử dụng nguồn nguyên liệu BIOMASS để gia tăng luyện đường thô ngoài vụ sản xuất và phát điện với mức đầu tư dự kiến 280 tỷ đồng và sản lượng đường luyện đạt trên 100.000 tấn/năm từ đường thô.
- Tiếp tục nghiên cứu khả thi dự án cồn nhiên liệu (ethanol) công suất 12.000.000 – 15.000.000 lít/năm để đầu tư trong năm 2014.

1.3 Về nhân sự:

- Tăng cường công tác đào tạo quản trị nguồn nhân lực, chú trọng về chất.
- Rà soát sửa đổi Quy chế thi đua khen thưởng cho phù hợp với thực tế, thiết lập lại các biểu mẫu, tiêu chí thi đua.
- Đào tạo phát triển Cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, đào tạo đội ngũ kế thừa chú trọng phát huy thế mạnh của việc đào tạo nội bộ.
- Chuẩn hóa hệ thống các quy trình, quy định.

1.4 Về kinh doanh:

- Tiếp tục xây dựng thương hiệu đường RE của Công ty CP Bourbon Tây Ninh thành thương hiệu mạnh không chỉ ở trong nước, thông qua chính sách giá bán cạnh tranh, hợp lý, chất lượng ổn định, dịch vụ phục vụ theo yêu cầu của khách hàng.
- Đưa thương hiệu đường của Công ty CP Bourbon Tây Ninh thâm nhập thị trường thế giới thông qua việc tìm kiếm thêm các thị trường xuất khẩu mới, tạo tiền đề cho Công ty CP Bourbon Tây Ninh hội nhập với ngành sản xuất đường của thế giới.

1.5 Nhiệm vụ khác:

Cơ cấu lại danh mục đầu tư và duy trì hoạt động đầu tư chiến lược vào ngành mía đường và các ngành có liên quan đến sản xuất mía đường hoặc sản phẩm sau đường.

TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN BÁ CHỦ

Báo cáo hoạt động

Báo cáo của Ban Điều hành
Báo cáo của Hội đồng quản trị
 Báo cáo của Ban Kiểm soát

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Năm 2012 là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam, từ những khó khăn kinh tế vĩ mô đến khó khăn của Doanh nghiệp và các hộ gia đình.

Kinh tế thế giới năm 2012 trải qua rất nhiều “nốt trầm” và bị hạ mức dự báo tăng trưởng nhiều lần trong năm. Châu Âu vẫn chìm trong cuộc khủng hoảng nợ công dai dẳng trong suốt ba năm qua, kinh tế Mỹ tăng trưởng rất chậm và tỷ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ở mức cao, Nhật Bản đang đứng trước nguy cơ suy thoái lần thứ 5 trong 15 năm qua. Các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil đều tăng trưởng chậm lại.

Tốc độ tăng GDP năm 2012 chỉ đạt hơn 5,03% (thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây), chỉ cao hơn so với tốc độ tăng trưởng 4,77% năm 1999 nhưng lại thấp hơn cả tốc độ tăng 5,32% năm 2009. Tốc độ tăng GDP năm 2012 không đạt được mục tiêu tăng trưởng đặt ra ban đầu 6,0 - 6,5%.

Năm 2012, trước bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, với trách nhiệm là Cơ quan định hướng, dẫn dắt mọi hoạt động của Công ty CP Bourbon Tây Ninh, HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn, như sau:

1. Hoạt động của HĐQT

Năm 2012, HĐQT đã tổ chức 10 phiên họp thường kỳ và 17 phiên họp đột xuất để đưa ra các chủ trương, định hướng và giải pháp kịp thời giúp Công ty hoạt động hiệu quả.

Quá trình thực hiện mục tiêu năm 2012, HĐQT luôn tập trung chỉ đạo xuyên suốt kế hoạch nguyên liệu, xem đây là nhiệm vụ hàng đầu, mang tính sống còn của Công ty. Đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- Tái cấu trúc Công ty, thành lập thêm Khối Hỗ trợ, hoàn thiện hệ thống phân công, phân nhiệm và ủy quyền, xây dựng và hoàn thiện quy trình, quy chế, quy định để tăng cường công tác quản trị và hoàn thiện hệ thống quản lý. Thực hiện phương châm Quản trị tập trung và Điều hành phân cấp.

- Đề ra các chủ trương về công tác tuyển dụng, chính sách lương thưởng, sử dụng nguồn nhân lực và chính sách nhân sự để Tổng giám đốc (TGD) hoàn thiện và cải tiến tốt hơn.

- Về lĩnh vực Tài chính - Đầu tư: Giám sát chi phí đầu tư dự án nâng công suất Nhà máy lên 9.800 TMN. Việc tổ chức hoạt động và trồng mía tại trại mía giống Bourbon Bến Cầu, thực hiện dự án Affinage, chuẩn bị dự án xây dựng nhà máy sản xuất ethanol, xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển giai đoạn 2012 – 2016 nhằm đảm bảo mục tiêu kinh doanh.

- Hoàn thiện hệ thống Công nghệ thông tin, triển khai

áp dụng việc xây dựng kế hoạch Công ty, kế hoạch hành động, kế hoạch ngân sách và theo dõi kết quả thực hiện trên phần mềm chuyên dụng.

- Về lĩnh vực Nông nghiệp: Xây dựng cơ chế chính sách đầu tư phát triển vùng nguyên liệu theo vùng quy hoạch, đẩy mạnh chính sách đầu tư cơ giới hóa đồng ruộng từ khâu trồng và chăm sóc đến khâu thu hoạch (năm 2012, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã đầu tư thêm 6 máy bóc mía và 1 máy thu hoạch mía nhập từ nước ngoài), xây dựng chính sách và vận hành mô hình cánh đồng mẫu lớn để tăng quy mô diện tích, tỷ trọng cơ giới hóa, năng suất và chữ đường cho toàn vùng mía nhằm đảm bảo nhu cầu, tiêu chuẩn nguyên liệu và nâng cao thu nhập của người dân trồng mía, đưa công nghiệp hóa và hiện đại hóa đến với bà con nông dân trồng mía. Giám sát công tác đầu tư và thu hồi công nợ nguyên liệu.

- Lĩnh vực Thương mại: Củng cố và mở rộng khách hàng công nghiệp trong nước, mở rộng xuất khẩu ra các nước trong khu vực châu Á & Trung Đông nhằm hội nhập và nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Mặt khác, HĐQT đã coi trọng việc xây dựng và thực thi chính sách kiểm tra, kiểm soát; tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ - chính sách và công cụ quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh và đầu tư. Nhìn chung, năm 2012 HĐQT đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt và toàn diện các mục tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ),



Thành viên Hội đồng Quản trị

tạo nên thành quả hoạt động kinh doanh rất ấn tượng trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam năm 2012 còn nhiều khó khăn và biến động. HĐQT nhận thấy hoạt động của Công ty ngày càng phát triển ổn định, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng cao.

Tuy nhiên, HĐQT cũng nhìn thấy những mặt chưa đủ mạnh so với nhu cầu phát triển và hội nhập. Từ đó, đề ra các giải pháp khắc phục để khai thác thế mạnh và tiềm năng của Công ty CP Bourbon Tây Ninh.

Năm qua, do HĐQT đã thỏa thuận được với Tập đoàn Bourbon Pháp gia hạn thời hạn đổi tên cho Công ty CP Bourbon Tây Ninh đến năm 2013, vì vậy việc đổi tên Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2011 chưa thực hiện và báo cáo ĐHĐCĐ sẽ tiếp tục thực hiện việc đổi tên Công ty trong năm 2013.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành

- Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ hàng tháng, Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt các Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, có những cải tiến hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Năm 2012, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt

nhiệm vụ ĐHCĐ và HĐQT đã giao phó dưới sự chỉ đạo, giám sát thường xuyên của Ban Kiểm soát (BKS) và HĐQT; đã hoàn thành kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ về sản xuất và môi trường; đã đạt được “Giải vàng chất lượng quốc gia”.

- Ban Tổng giám đốc cũng có những đề xuất, chính sách khen thưởng kịp thời nhằm động viên tinh thần cống hiến, hăng say làm việc của người lao động.

- Với sự lãnh đạo tập trung và xuyên suốt của HĐQT, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã phấn đấu hoàn thành hầu như toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 với nhịp độ tăng trưởng cao.

- Tổng sản lượng mía ép cả năm đạt 929.678 tấn, so với kế hoạch đạt 111 %.

- Đường thô nguyên liệu đạt 38.851 tấn, so với kế hoạch đạt 144%.

- Sản lượng đường tiêu thụ đạt 100.436 tấn, so với kế hoạch đạt 117%.

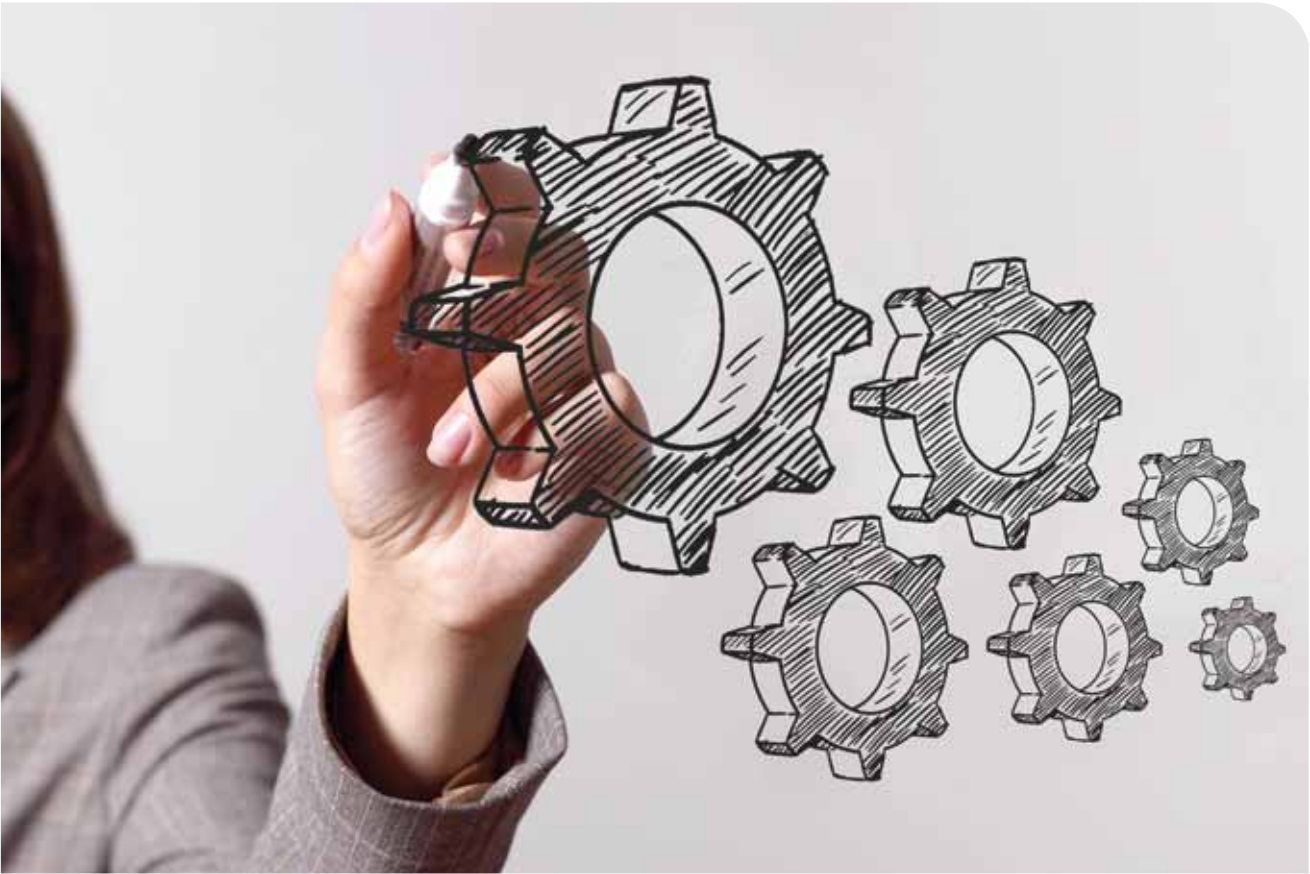
- Tổng doanh thu (gồm phụ phẩm) đạt 1.962,75 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 108%.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 422,27 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 105 %.

Báo cáo hoạt động

Báo cáo của Ban Điều hành
Báo cáo của Hội đồng quản trị
Báo cáo của Ban Kiểm soát

Báo cáo của Hội đồng quản trị
(tiếp theo)



3. Tình hình chi trả thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2012:

Công ty tiến hành chi trả thù lao và chi phí hoạt động cho HĐQT và BKS theo Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Số tiền thù lao thuần đã chi trong năm 2012 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Số tiền (triệu đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	207,0
2	Phó Chủ tịch HĐQT	1	12	363,0
3	Thành viên HĐQT	4	12	916,9
4	Trưởng Ban Kiểm soát	1	12	206,7
5	Thành viên BKS	2	12	386,1
	TỔNG CỘNG			2.079,7

Số tiền chi kinh phí hoạt động: 898,4 triệu đồng.
Tổng số tiền thù lao và kinh phí hoạt động: 2.978,1 triệu đồng (thực hiện 99,3%)

4. Tình hình nhân sự

Ngày 1/11/2012, thành viên HĐQT là bà Huỳnh Bích Ngọc xin từ nhiệm vì lý do cá nhân. Để đảm bảo các công tác của HĐQT được sâu sát và kịp thời, HĐQT đã quyết định bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế cho bà Huỳnh Bích Ngọc là Ông Thái Văn Chuyện (bổ nhiệm ngày 1/11/2012).

Ngày 28/2/2013, thành viên HĐQT là bà Trần Quế Trang xin từ nhiệm vì lý do cá nhân. Để đảm bảo các công tác của HĐQT được sâu sát và kịp thời, HĐQT đã quyết định bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế cho bà Trần Quế Trang là ông Phạm Hồng Dương (bổ nhiệm ngày 1/3/2013).

5. Kế hoạch của HĐQT năm 2013

Trong năm 2013, HĐQT xây dựng kế hoạch hoạt động, như sau:

- Tăng cường công tác giám sát kế hoạch để có những chỉ đạo sát sao và kịp thời cho việc thực hiện kế hoạch 2013.
- Tập trung công tác phát triển vùng nguyên liệu cả về số lượng và chất lượng. Tập trung vận hành và phát triển mô hình cánh đồng mẫu lớn, đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp. Cử nhân sự của Công ty tham gia công tác Quản trị điều hành Trung tâm nghiên cứu ứng dụng Mía đường Thành Thành Công nhằm phục vụ công tác phân tích đất, phục tráng và phát triển mía giống. Triển khai xây dựng sơ đồ giống mía phù hợp cho từng vùng nguyên liệu để kéo dài thời gian sản xuất, nâng cao chất lượng cây mía. Tiếp tục duy trì và phát triển chính sách đầu tư, thu mua hợp lý nhằm khuyến khích người dân gắn bó với cây mía, quản lý lịch đồn chặt khoa học và thông tin rộng rãi đến bà con nông dân trồng mía. Thực hiện phương châm của Công ty CP Bourbon Tây Ninh là: “luôn đồng hành cùng người dân trồng mía phát triển”.
- Chỉ đạo công tác nghiên cứu, hoàn thiện dự án khả thi đầu tư nhà máy sản xuất ethanol, thực hiện dự án hợp tác đầu tư trồng mía và nghiên cứu khả thi dự án đầu tư nhà máy đường Svayrieng – Vương quốc Campuchia.

- Chỉ đạo và giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện Trại mía giống Bourbon Bến Cầu thành trại mía kiểu mẫu, đi đầu trong việc áp dụng các phương pháp mới, cơ giới hóa từ khâu trồng, chăm sóc đến khi thu hoạch.
 - Mở rộng quan hệ với các đối tác chiến lược nhằm khai thác, phát triển tiềm năng và lợi thế của Công ty CP Bourbon Tây Ninh.
 - Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý, đào tạo nhân sự và đặc biệt chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa.
 - Đối với dự án Trung tâm Thương mại Espace Bourbon Tây Ninh, tiếp tục đàm phán với đối tác có nhu cầu chuyển nhượng dự án theo yêu cầu từ UBND tỉnh Tây Ninh.
 - Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Với mục tiêu, giải pháp chủ yếu nêu trên, HĐQT chúng tôi tin rằng Công ty CP Bourbon Tây Ninh hoàn toàn có khả năng hoàn thành tốt nhất kế hoạch năm 2013 và triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu tăng trưởng cho những năm tiếp theo.



Báo cáo hoạt động

Báo cáo của Ban Điều hành
Báo cáo của Hội đồng quản trị
Báo cáo của Ban Kiểm soát

Báo cáo của Ban Kiểm soát**1. Kiểm tra tính tuân thủ:**

Trong năm 2012, BKS đã đề ra các chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng công tác giám sát và phối hợp với HĐQT và BĐH trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012, Quy trình - Quy chế hoạt động và các quy định Pháp luật.

Qua quá trình kiểm tra, BKS nhận thấy các hoạt động Công ty đều phù hợp với nội dung quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Điều lệ và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước, chế độ tài chính kế toán. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định.

BKS cũng xem xét mức độ phù hợp của các Quyết định của HĐQT, BĐH trong công tác quản lý, điều hành; tiến hành kiểm soát trình tự ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát hoạt động:

Công ty đã hoàn tất việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011; chi trả thù lao HĐQT, BKS; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh và thực hiện hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 với Công ty TNHH KPMG Việt Nam theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 đề ra.

Đối với mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, Công ty luôn chú trọng giữ vững uy tín, sử dụng các nguồn vốn vay đúng mục đích, phục vụ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng kỳ hạn.

Trong quá trình kiểm tra, BKS đã chú trọng xem xét đánh giá các hoạt động trọng yếu của Công ty, đặc biệt là hoạt động Nông nghiệp. Thông qua kết quả kiểm tra, BKS đã kịp thời có những khuyến nghị, đề xuất các giải pháp điều chỉnh đối với những thiếu sót trong công tác quản trị, điều hành nhằm hạn chế rủi ro đồng thời góp ý cho mục tiêu kế hoạch kinh doanh, giúp định hướng xây dựng các quy trình – quy định sao cho có thể kiểm soát ở mức tốt nhất các rủi ro có thể phát sinh trong tương lai.

3. Kiểm tra báo cáo tài chính định kỳ:

BKS đã thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm của Công ty trong năm tài chính 2012. BKS cũng đã thực hiện kiểm tra các quy trình lập hoá đơn, chứng từ và các bộ hồ sơ liên quan, phương pháp ghi sổ kế toán, tổng hợp thông tin và trình bày trên báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và quy định về lưu trữ chứng từ kế toán để qua đó xác nhận về tính trung thực, hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo tài chính.

4. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2012:**a. Kết quả kinh doanh năm 2012:**

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được lập kịp thời và đầy đủ theo đúng quy định về Hệ thống kế toán doanh nghiệp, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành của Chế độ kế toán Việt Nam.

Các số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2012 đã thể hiện rõ ràng, trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Báo cáo hoạt động

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo của Ban Điều hành

Báo cáo của Ban Kiểm soát

Báo cáo của Ban Kiểm soát

(tiếp theo)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	%
SẢN LƯỢNG				
1. Sản lượng mía ép	Tấn	929.678	≥ 840.000	110,7
2. Sản lượng đường thô nguyên liệu	Tấn	38.851	≥ 27.000	143,9
3. Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	100.436	85.900	116,9
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	1.962,75	1.810	108,4
Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	422,27	400	105,6

b. Về công tác quản trị - điều hành:

Trước những khó khăn của nền kinh tế, HĐQT và BĐH đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng mà ĐHCĐ đã đề ra để triển khai thành các nhiệm vụ cụ thể. BĐH căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất. BKS thống nhất với nội dung báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh mà BĐH đã trình bày, đồng thời đánh giá cao những cố gắng của BĐH trong việc tổ chức triển khai các hoạt động của Công ty, cũng như có những ứng phó nhanh chóng, kịp thời với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế. Với kết quả đạt được, Công ty đã minh chứng vị thế của mình là một trong những đơn vị hoạt động có hiệu quả, có tiềm lực và nội lực vững vàng.

c. Kiến nghị

Căn cứ những đánh giá toàn diện về hoạt động của Công ty trong suốt năm 2012, BKS có một số kiến nghị như sau:

BĐH cần quan tâm nhiều hơn công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản lập quy, góp phần hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, kiện toàn công tác quản lý Công ty; tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban thông qua công tác tái cấu trúc, hoàn chỉnh cơ chế nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, kiểm soát tốt các rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để khai thác hết công suất hiện có của nhà máy, Công ty cần quan tâm hơn nữa công tác đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu mía bằng các giải pháp thiết thực và phù hợp. Khẩn trương xây dựng giải pháp, kế hoạch thu hoạch vụ 2013 – 2014 hữu hiệu, hạn chế tối đa tình trạng mía cháy – khô nhằm đảm bảo tiêu chuẩn nguyên liệu đưa vào sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết bị hiện đại.

Đối với những vùng nguyên liệu xa nhà máy như Bình Phước, Campuchia thì cũng nên quan tâm nhiều hơn công tác quản lý, chăm sóc vùng nguyên liệu sao cho nguồn vốn đầu tư có thể mang lại hiệu quả cao nhất, hạn chế tối đa phát sinh nợ xấu.

Việc mở rộng vùng nguyên liệu phải đi kèm với công tác đầu tư cho giống mía, do đó Công ty nên tạo điều kiện nhiều hơn cho các Trại mía giống phát huy vai trò tiên phong trong việc cung cấp các giống mía có năng suất cao và chất lượng tốt.

Đối với công tác nhân sự: cần tiêu chuẩn hoá các vị trí công tác và nghiệp vụ quản lý của Cán bộ nhân viên làm cơ sở phát triển vị trí và nghề nghiệp của nhân sự. Tăng cường công tác đào tạo chuyên môn cho Cán bộ nhân viên để mang lại hiệu quả làm việc cao nhất.

Đối với công tác kinh doanh, cần theo dõi và tiên liệu diễn biến thị trường đường để có kế hoạch tiêu thụ phù hợp đạt hiệu quả cao; chú trọng công tác chất lượng sản phẩm nhằm giữ vững uy tín của thương hiệu mà Công ty đã nỗ lực xây dựng trong suốt gần 20 năm qua.

Qua một năm thực hiện nhiệm vụ, BKS đã nhận được sự tín nhiệm của HĐQT và BĐH, các ý kiến đóng góp các nội dung khuyến nghị của BKS đều đã được BĐH ghi nhận và thống nhất chấn chỉnh để công tác quản lý tốt hơn.

Cuối cùng, thay mặt BKS, xin chân thành cảm ơn HĐQT, BĐH và các phòng ban nghiệp vụ của Công ty đã luôn tạo điều kiện và hợp tác để chúng tôi hoàn thành tốt vai trò của mình trong suốt năm vừa qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



NGUYỄN THÙY VÂN



Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thông tin chung

GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ

Số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số 451033000014 cấp ngày 23 tháng 3 năm 2007

Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười một lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 ngày 24 tháng 10 năm 2012. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Huỳnh Ước My	Chủ tịch	(từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Chủ tịch	(đến ngày 12 tháng 4 năm 2012)
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch	
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên	(từ ngày 12 tháng 4 năm 2012 đến ngày 1 tháng 11 năm 2012)
Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên	(từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)
Bà Trần Quế Trang	Thành viên	(từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)
Ông Thái Văn Chuyện	Thành viên	(từ ngày 1 tháng 11 năm 2012)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	(từ ngày 2 tháng 7 năm 2012)
Ông Phạm Hồng Dương	Phó Tổng Giám đốc	(từ ngày 2 tháng 7 năm 2012)
Bà Trương Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc	(từ ngày 2 tháng 7 năm 2012)
Ông Kumarasamy Nallaiyan	Giám đốc Nông nghiệp	
Bà Dương Thị Tô Châu	Giám đốc Thương Mại	
Ông Nguyễn Văn Đệ	Giám đốc Tài chính Đầu tư	(từ ngày 2 tháng 7 năm 2012)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Giám đốc Hỗ trợ	(từ ngày 2 tháng 7 năm 2012)
Ông Nguyễn Thanh Khiêm	Giám đốc Nhà máy	(từ ngày 1 tháng 8 năm 2012)

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

KIỂM TOÁN VIÊN

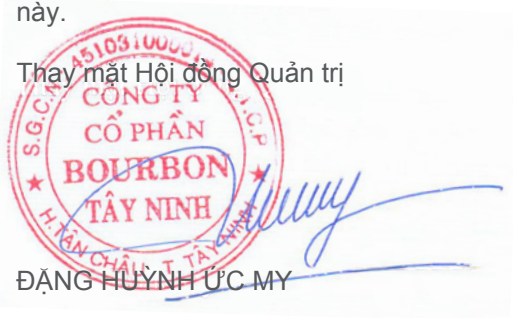
Công ty TNHH KPMG, Việt Nam

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 46 đến trang 94 được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Báo cáo tài chính

Thông tin chung

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo Kiểm toán Độc lập

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính

Thông tin chung

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo Kiểm toán Độc lập

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 42 đến 94. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2012 trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 12-01-245



CHANG HUNG CHUN

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

LÂM THỊ NGỌC HẢO

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - DN

VNĐ

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
100	(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)		1.421.289.426.760	1.009.833.787.650
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110.669.897.291	88.725.909.901
111	1. Tiền		110.669.897.291	68.725.909.901
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	11	202.458.604.234	90.358.494.207
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn		297.983.547.843	90.358.494.207
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(95.524.943.609)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	729.502.883.593	547.632.290.503
131	1. Phải thu khách hàng		264.032.376.939	180.726.157.576
132	2. Trả trước cho người bán		418.517.643.528	237.403.931.948
135	3. Các khoản phải thu khác		69.995.237.367	148.040.363.820
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(23.042.374.241)	(18.538.162.841)
140	IV. Hàng tồn kho		339.388.288.019	280.342.522.032
141	1. Hàng tồn kho	7	339.630.844.906	280.585.078.919
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(242.556.887)	(242.556.887)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.269.753.623	2.774.571.007
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		34.332.668.947	70.400.000
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.357.450.779	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		2.579.633.897	2.704.171.007

Mẫu B 01 - DN

VNĐ

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN				
200	(200 = 220 + 240 + 250 + 260)		1.213.104.199.105	1.295.954.739.048
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	6	54.686.136.164	60.589.093.860
218	1. Phải thu dài hạn khác		54.686.136.164	60.589.093.860
220	II. Tài sản cố định		645.580.386.104	652.896.228.436
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	540.043.448.468	572.696.054.745
222	2. Nguyên giá		1.613.205.566.904	1.567.028.535.911
223	3. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.073.162.118.436)	(994.332.481.166)
227	4. Tài sản cố định vô hình	9	42.665.949.536	43.370.687.586
228	5. Nguyên giá		51.212.046.019	50.462.084.019
229	6. Giá trị hao mòn lũy kế		(8.546.096.483)	(7.091.396.433)
230	7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	62.870.988.100	36.829.486.105
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	499.582.134.384	576.300.359.200
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		435.754.797.123	374.530.737.123
258	2. Đầu tư dài hạn khác		94.887.933.904	238.109.023.033
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(31.060.596.643)	(36.339.400.956)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		13.255.542.453	6.169.057.552
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.843.741.131	-
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	13	5.273.753.022	6.031.009.252
268	3. Tài sản dài hạn khác		138.048.300	138.048.300
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.634.393.625.865	2.305.788.526.698
	(270 = 100 + 200)			

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - DN
VNĐ

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		938.635.369.571	511.626.764.665
310	I. Nợ ngắn hạn		889.469.256.095	487.564.491.665
311	1. Vay ngắn hạn	14	714.178.138.970	327.803.035.686
312	2. Phải trả người bán		41.460.174.576	55.182.662.872
313	3. Người mua trả tiền trước	15	29.752.623.024	29.003.589.245
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.980.685.467	18.269.723.234
315	5. Phải trả người lao động		9.431.820.585	120.004.713
316	6. Chi phí phải trả	17	60.051.144.927	36.537.488.645
319	7. Các khoản phải trả khác	18	19.174.814.536	19.188.763.036
323	8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	19	10.439.854.010	1.459.224.234
330	II. Vay và nợ dài hạn		49.166.113.476	24.062.273.000
334	1. Vay dài hạn	20	49.166.113.476	17.897.563.000
337	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc	21	-	6.164.710.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)		1.695.758.256.294	1.794.161.762.033
410	III. Vốn chủ sở hữu	22	1.695.758.256.294	1.794.161.762.033
411	1. Vốn cổ phần	23	1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23	7.594.294.697	-
414	3. Cổ phiếu quỹ	23	(129.471.347.730)	(139.395.212.895)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		60.085.099.152	4.786.442.297
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		69.054.070.682	41.404.742.255
420	6. Lợi nhuận chưa phân phối		269.238.139.493	468.107.790.376
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		2.634.393.625.865	2.305.788.526.698

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu B 01 - DN
VNĐ

Chỉ Tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba, hoặc nhận gia công (KG)	6.679.726	1.921.902
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	4.868.349.860	4.874.675.042
Ngoại tệ (USD)	6.601	94.533
Ngoại tệ (EUR)	500	-

Người lập:



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người duyệt:



NGUYỄN BÁ CHỦ
Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 - DN

VNĐ

Mã số	Chỉ Tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Tổng doanh thu	26	1.962.751.919.403	2.052.983.452.900
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	26	1.923.036.716	2.677.734.927
10	Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	26	1.960.828.882.687	2.050.305.717.973
11	Giá vốn hàng bán	27	1.590.813.929.308	1.446.936.820.298
20	Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)		370.014.953.379	603.368.897.675
21	Doanh thu hoạt động tài chính	28	313.208.759.969	128.915.675.089
22	Chi phí tài chính	29	171.775.061.039	99.596.419.764
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		75.345.627.183	48.666.079.483
24	Chi phí bán hàng		40.496.493.149	25.351.501.888
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		56.957.642.859	38.387.005.167
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		413.994.516.301	568.949.645.945
31	Thu nhập khác		20.142.772.720	7.492.907.226
32	Chi phí khác		11.866.245.096	5.456.192.196
40	Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)		8.276.527.624	2.036.715.030
50	Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)		422.271.043.925	570.986.360.975
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	51.380.336.886	24.030.801.680
52	Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	30	757.256.230	(6.031.009.252)
60	Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)		370.133.450.809	552.986.568.547
	Lãi trên cổ phiếu			
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.890	4.027

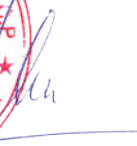
Người lập:



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người duyệt:



NGUYỄN BÁ CHỦ
Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03 - DN

VNĐ

Mã số	Chỉ Tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		422.271.043.925	570.986.360.975
	Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao và phân bổ		81.280.057.510	77.372.853.128
03	Các khoản dự phòng		101.701.159.171	22.394.856.930
05	Lãi từ thanh lý tài sản cố định		(603.892.001)	-
05	(Lãi)/ lỗ từ bán đầu tư chứng khoán		(185.554.905.691)	47.494.859.522
05	Lãi tiền gửi ngân hàng và khoản vay cấp cho các bên liên quan khác		(62.578.016.862)	(9.158.460.705)
05	Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía		(39.645.920.757)	(106.045.910.094)
05	Thu nhập cổ tức từ đầu tư chứng khoán dài hạn		(24.935.208.400)	(11.678.510.239)
06	Chi phí lãi vay		75.345.627.183	48.666.079.483
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		367.279.944.078	640.032.129.000
09	Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác		(260.411.056.188)	(128.074.199.049)
10	Biến động hàng tồn kho		(59.045.765.987)	15.466.978.581
11	Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác		6.197.095.553	20.473.339.515
12	Biến động chi phí trả trước		4.034.821.963	(6.658.481.402)
			58.055.039.419	541.239.766.645
13	Tiền lãi vay đã trả		(79.374.443.157)	(43.591.651.479)
14	Thuế thu nhập đã nộp		(61.609.058.012)	(31.327.104.828)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	78.626.430.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(29.334.186.634)	(107.208.164.120)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh		(112.262.648.384)	437.739.276.218

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03 - DN
VNĐ

Mã số	Chỉ Tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(89.831.897.139)	(42.048.870.259)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		5.796.676.910	352.409.091
23	Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan khác		(202.500.000.000)	(5.000.000.000)
24	Tiền thu từ các khoản vay cho các bên liên quan khác		188.406.644.027	8.652.000.000
24	Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và chứng khoán		374.750.000.000	4.800.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(154.996.215.000)	(267.639.760.156)
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức		45.169.624.954	21.234.481.904
30	Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư		166.794.833.752	(279.649.739.420)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu quỹ		30.450.000.000	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ		(33.231.840.138)	(133.854.735.607)
33	Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được		2.250.038.686.148	1.403.328.314.942
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.832.395.032.388)	(1.080.297.963.256)
36	Tiền trả cổ tức		(447.450.011.600)	(385.038.984.290)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính		(32.588.197.978)	(195.863.368.211)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)		21.943.987.390	(37.773.831.413)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		88.725.909.901	126.499.741.314
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	5	110.669.897.291	88.725.909.901

Mẫu B 03 - DN
VNĐ

Mã số	Chỉ Tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
IV. CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
	Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía dưới hình thức bán mía giống		234.896.606.576	9.506.242.500
	Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía cần trừ với khoản phải trả người bán		265.547.681.575	115.814.112.602
	Lãi phải thu cần trừ với khoản cho các bên liên quan vay		93.483.547.843	-
	Lãi phải thu cần trừ với khoản phải trả người bán		39.971.672.767	62.342.750.945
	Cần trừ tiền mua mía với khoản ứng trước cho nông dân trồng mía		26.270.547.547	6.797.477.271
	Lãi vay vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản		1.203.666.042	-
	Phải thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ		20.300.000.000	-
	Phải thu từ bán cổ phiếu của BAC		-	52.250.000.000

Người lập:



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người duyệt:



NGUYỄN BÁ CHỦ
Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCXHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Trụ sở chính của Công ty tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 810 nhân viên (31/12/2011: 741 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá

Mẫu B 09 - DN

hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này.

Phân phối kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc phân phối từ các nguồn ngoại trừ kết quả hoạt động kinh doanh sau ngày được mua lại được xem xét như khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(ii) Đầu tư chứng khoán và đầu tư khác

Đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Số dư của các khoản dự phòng tăng hay giảm được ghi nhận như chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

■ nhà cửa	10 – 30 năm
■ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
■ phương tiện vận chuyển	6 năm
■ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
■ khác	1 – 30 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Mẫu B 09 - DN

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí đổi mới và cải tạo được thể hiện theo nguyên giá ban đầu và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(ii) Dự phòng chi phí bảo trì

Dự phòng phí bảo trì liên quan đến các công việc bảo trì ước tính có thể thực hiện trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Việc ước tính được dựa trên kinh nghiệm, sự kiện và các ước tính tốt nhất từ Ban Giám đốc. Một điều chắc chắn rằng các thông tin và tình hình tài chính nêu trên có thể sẽ thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể tốt hơn hoặc xấu hơn so với các đánh giá đã được dùng để trình bày trong báo cáo tài chính định kỳ.

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được dựa theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính

(tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(tiếp theo)

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

- Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
 - Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Mẫu B 09 - DN

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính

(tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận theo phương pháp doanh thu đã xuất hóa đơn trong đó doanh thu chỉ bao gồm phần tiền đã xuất hóa đơn cho khách hàng được tính dựa trên tổng khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii)Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv)Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Mẫu B 09 - DN

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết.

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011
Tiền mặt	400.448.204	1.633.626.029
Tiền gửi ngân hàng	110.269.449.087	67.092.283.872
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	110.669.897.291	88.725.909.901

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	42.132.639.800	-
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	3.848.954.161	103.004.541.665

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo yêu cầu.

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan khác có đảm bảo, chịu lãi suất từ 15% - 18% (2011: 10% - 18%) năm và phải thu theo yêu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 160.486 triệu VND và 10.000.000 USD (31/12/2011: 180.446 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Công ty (Thuyết minh 14).

Bao gồm trong trả trước cho người bán có 418.517.643.528 VND và các khoản phải thu dài hạn khác là khoản ứng trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	VND	
	31/12/2012	31/12/2011
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	301.317.238.306	172.426.979.535
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	54.686.136.164	60.589.093.860
	356.003.374.470	233.016.073.395

Trong năm 2012, Công ty đã cần trừ tổng cộng 265.547.681.575 VND (2011: 115.814.112.602 VND) ứng trước cho nông dân trồng mía với nguyên liệu mua từ nông dân.

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất dao động từ 8% đến 13,5% năm (2011: 8% đến 13,5%). Khoản ứng trước này được thu hồi trong vòng 4 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Mẫu B 09 - DN

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	VND	
	31/12/2012	31/12/2011
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“BAC”), một công ty liên kết	3.848.954.161	50.754.541.665
Phải thu từ Công ty Cổ phần Thành Thành Công, một cổ đông, liên quan đến bán cổ phiếu của BAC	-	52.250.000.000
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	43.377.407.139	43.703.159.149
Phải thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	20.300.000.000	-
Phải thu từ bảo hiểm nhân thọ	848.473.700	725.533.000
Phải thu khác	1.620.402.367	607.130.006
	69.995.237.367	148.040.363.820

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	31/12/2012	31/12/2011
Nguyên vật liệu	62.041.234.378	57.968.034.089
Công cụ và dụng cụ	64.102.810	367.967.223
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.771.079.175	25.434.395.776
Thành phẩm	207.870.694.011	196.814.681.831
Hàng hóa	9.996.507.532	-
Hàng gửi đi bán	15.887.227.000	-
	339.630.844.906	280.585.078.919
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	339.388.288.019	280.342.522.032

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ 60.514 triệu VND (31/12/2011: 562 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14).

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN		VNĐ				
8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH		Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác
Nguyên giá						Tổng cộng
Số dư đầu năm		275.022.523.147	1.209.729.966.697	15.623.042.989	7.829.156.931	58.823.846.147
Tăng trong năm		50.727.273	2.690.784.175	7.191.423.818	466.341.209	19.950.002
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.260.582.335	31.814.477.280	5.871.250.000	-	-
Thanh lý		-	(1.689.271.754)	(4.499.233.345)	-	-
Số dư cuối năm		279.333.832.755	1.242.545.956.398	24.186.483.462	8.295.498.140	58.843.796.149
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		126.300.153.826	798.596.163.799	8.994.668.148	6.998.000.520	53.443.494.873
Khấu hao trong năm		10.021.998.404	63.790.672.125	2.693.042.636	393.736.136	2.925.908.159
Thanh lý		-	(781.631.382)	(214.088.808)	-	-
Số dư cuối năm		136.322.152.230	861.605.204.542	11.473.621.976	7.391.736.656	56.369.403.032
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm		148.722.369.321	411.133.802.898	6.628.374.841	831.156.411	5.380.351.274
Số dư cuối năm		143.011.680.525	380.940.751.856	12.712.861.486	903.761.484	2.474.393.117

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 163.328 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 160.189 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 243.431 triệu VND (31/12/2011: 313.330 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo của Ban Điều Hành
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu B 09 - DN			VNĐ
9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.483.754.819	2.978.329.200	50.462.084.019
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	749.962.000	749.962.000
Số dư cuối năm	47.483.754.819	3.728.291.200	51.212.046.019
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.555.200.148	2.536.196.285	7.091.396.433
Khấu hao trong năm	1.047.782.277	406.917.773	1.454.700.050
Số dư cuối năm	5.602.982.425	2.943.114.058	8.546.096.483
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	42.928.554.671	442.132.915	43.370.687.586
Số dư cuối năm	41.880.772.394	785.177.142	42.665.949.536

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 4.155 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 2.713 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 41.881 triệu VND (31/12/2011: 42.929 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Mẫu B 09 - DN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	36.829.486.105	17.734.245.747
Tăng trong năm	80.616.336.704	46.393.063.217
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(41.946.309.615)	(27.297.822.859)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(749.962.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(11.878.563.094)	-
Số dư cuối năm	62.870.988.100	36.829.486.105

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính bao gồm:

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Năng cấp dây chuyền sản xuất	47.333.614.684	29.561.888.744
Dự án Espace Bourbon Tay Ninh	12.917.142.603	5.904.830.663
Khác	2.620.230.813	1.362.766.698
Số dư cuối năm	62.870.988.100	36.829.486.105

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 1.204 triệu VND (2011: không).

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

(a) Đầu tư dài hạn

Mẫu B 09 - DN
VND

VND

31/12/2011

31/12/2012

31/12/2011

	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND (được phân loại lại)
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:								
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (i)	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (ii)	6.815.148	22,72%	22,72%	129.530.737.123	6.815.148	22,72%	22,72%	129.530.737.123
Công ty Cổ phần Đường La Ngà (iii)	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác:				435.754.797.123				374.530.737.123
Khoản vay cấp cho một công ty liên kết,								
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (iv)				-				100.000.000.000
Đầu tư vào chứng khoán (v)				93.772.155.000				136.945.094.309
Đầu tư dài hạn khác				1.115.778.904				1.163.928.724
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				94.887.933.904				238.109.023.033
								720.391.686.663
				(31.060.596.643)				(36.339.400.956)
				499.582.134.384				576.300.359.200

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

	VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011 (được phân loại lại)
Khoản vay cấp cho một công ty liên kết, Công ty Cổ phần Bourbon		
An Hòa (iv)	297.983.547.843	90.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	358.494.207
	297.983.547.843	90.358.494.207
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(95.524.943.609)	-
	202.458.604.234	90.358.494.207

- (i) Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“Bourbon An Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của Bourbon An Hòa đặt tại thôn An Hội, xã An Hòa, huyện trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường; trồng mía đường; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón; vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất, mua bán cồn; kinh doanh bất động sản; dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.
- (iii) Trong năm, Công ty mua 2.040.802 cổ phiếu (24,89%) của Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà (“Đường La Ngà”). Đường La Ngà được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất

Mẫu B 09 - DN

đường, bánh kẹo, cồn, rượu, chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp, sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp, chế biến thức ăn gia súc, trồng trọt và chăn nuôi gia súc, xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi, sản xuất và cung cấp giống cây, sản xuất nước sạch, điện, sản xuất và kinh doanh đồ trang trí nội thất và đồ gỗ, sửa chữa, sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí, mua bán vật liệu xây dựng ngành nông nghiệp và công nghiệp.

(iv) Các khoản vay này thể hiện khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết, không được bảo đảm và chịu lãi suất dao động từ 15% - 18,5% một năm (2011: 10% - 18,5% năm). Trong năm, lãi lũy kế tương đương 93.483.547.843 VND (2011: không) được chuyển sang khoản vay gốc.

(v) Đầu tư vào chứng khoán bao gồm:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Công ty Cổ phần Mía đường-				
Nhiệt điện Gia Lai	2.500.000	48.823.125.000	-	-
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	2.996.602	44.949.030.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn				
Thương tín (Thuyết minh 28)	-	-	7.500.000	106.794.285.834
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc				
Sài Gòn Thương tín				
(Thuyết minh 28)	-	-	4.000.000	30.150.808.475
Số dư cuối năm	5.496.602	93.772.155.000	11.500.000	136.945.094.309

Biến động đầu tư trong năm như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2012 VNĐ	2011 VNĐ (được phân loại lại)	2012 VNĐ	2011 VNĐ (được phân loại lại)
Số dư đầu năm	90.358.494.207	94.010.494.207	612.639.760.156	349.800.000.000
Tăng trong năm	295.983.547.843	5.000.000.000	154.996.215.000	267.639.760.156
Chuyển đầu tư dài hạn				
sang đầu tư ngắn hạn	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-
Thanh lý	-		(136.945.094.309)	(4.800.000.000)
Giảm trong năm	(188.358.494.207)	(8.652.000.000)	(48.149.820)	-
	297.983.547.843	90.358.494.207	530.642.731.027	612.639.760.156

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

Mẫu B 09 - DN

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2012 VNĐ	2011 VNĐ (được phân loại lại)	2012 VNĐ	2011 VNĐ (được phân loại lại)
Số dư đầu năm		-	36.339.400.956	3.971.763.284
Tăng trong năm	95.524.943.609	-	1.672.004.162	32.539.850.342
Sử dụng trong năm		-	(6.950.808.475)	(172.212.670)
Số dư cuối năm	95.524.943.609	-	31.060.596.643	36.339.400.956

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Tăng trong năm	3.808.919.168	2.063.833.803
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.878.563.094	-
Phân bổ trong năm	(7.843.741.131)	(2.063.833.803)
Số dư cuối năm	7.843.741.131	-

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

14. VAY NGẮN HẠN

VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011 (được phân loại lại)
Vay ngắn hạn	691.332.892.670	324.971.693.686
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	22.845.246.300	2.831.342.000
	714.178.138.970	327.803.035.686

Mẫu B 09 - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2011 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	8% - 16,5%	197.840.478.236	24.000.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	USD	3,64% - 4,3%	92.588.350.000	-
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	9,5% - 16,5%	196.832.871.434	50.000.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	8,3% - 15,2%	115.250.000.000	1.563.705.924
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)	VND	9,5% - 17,5%	88.821.193.000	111.977.987.762
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	VND		-	75.000.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	VND		-	57.430.000.000
• Ngân hàng TMCP Quân đội	VND		-	5.000.000.000
			691.332.892.670	324.971.693.686

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

(i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 triệu USD (31/12/2011: 8 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 33.741 triệu VND và các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 82.700 triệu VND và 10 triệu USD (31/12/2011: quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh: 34.470 triệu VND và các khoản phải thu: 180.446 triệu VND).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200.000 triệu VND (31/12/2011: 150.000 triệu VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 143.012 triệu VND và 8.140 triệu VND (31/12/2011: nhà cửa 124.888 triệu VND và quyền sử dụng đất 8.459 VND).

(iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 triệu USD (31/12/2011: 3 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 77.786 triệu VND và 60.514 triệu VND (31/12/2011: khoản phải thu 872 triệu VND và 562 triệu VND).

(iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (31/12/2011: 247.500 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 100.419 triệu VND (31/12/2011: 124.888 triệu VND).

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC			Mẫu B 09 - DN	
			VNĐ	
			31/12/2012	31/12/2011
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)			29.374.700.000	23.344.200.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thành Thành Công để mua mặt đường - cổ đông			-	951.702.400
Người mua trả tiền trước			377.923.024	4.707.686.845
			29.752.623.024	29.003.589.245
(*) Đây là khoản tạm ứng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại 217-219 Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Hợp đồng này dự kiến hoàn tất vào năm 2013.				
16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC			VNĐ	
			31/12/2012	31/12/2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp			-	8.037.873.582
Thuế giá trị gia tăng			4.980.685.467	10.026.299.830
Thuế thu nhập cá nhân			-	205.549.822
			4.980.685.467	18.269.723.234
17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ			VNĐ	
			31/12/2012	31/12/2011
Chi phí mua mía phải trả			52.035.661.600	26.986.689.250
Phí vận chuyển và bốc dỡ			3.228.683.000	1.941.409.660
Chi phí lãi vay			2.430.989.432	5.074.428.004
Phép năm chưa được chi trả			1.197.102.280	1.227.157.930
Chi phí khác			1.158.708.615	1.307.803.801
			60.051.144.927	36.537.488.645

18. PHẢI TRẢ KHÁC			Mẫu B 09 - DN	
			VNĐ	
			31/12/2012	31/12/2011
Thu hoạch, đặt cọc vận chuyển và phải trả cho nông dân trồng mía tại Tây Ninh			16.528.681.190	16.795.279.245
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh			1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả			757.828.110	467.539.710
Khác			688.305.236	725.944.081
			19.174.814.536	19.188.763.036
Bao gồm trong tổng các khoản phải trả có khoản phải trả cho các bên liên quan sau:			VNĐ	
			31/12/2012	31/12/2011
Khoản phi thương mại phải trả cho các công ty liên quan khác			757.828.110	467.539.710
19. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI				
Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:			VNĐ	
			31/12/2012	31/12/2011
Số dư đầu năm			1.459.224.234	552.841.239
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối			38.314.816.410	29.109.818.815
Sử dụng quỹ			(29.334.186.634)	(28.203.435.820)
Số dư cuối năm			10.439.854.010	1.459.224.234

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

20. VAY DÀI HẠN				VNĐ	
	31/12/2012		31/12/2011 (được phân loại lại)		
Vay dài hạn	72.011.359.776		20.728.905.000		
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(22.845.246.300)		(2.831.342.000)		
	49.166.113.476		17.897.563.000		
Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:					
	Tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	31/12/2011 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Vay dài hạn không được đảm bảo					
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	4,62%	2013-2020	17.897.563.000	20.283.905.000
Vay dài hạn được đảm bảo					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam–					
Chi nhánh Tây Ninh (ii)	VND	14%	2013-2015	49.902.796.776	-
Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh (iii)	VND	11,4%	2013-2016	4.211.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	VND			-	445.000.000
				72.011.359.776	20.728.905.000

- (i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (31/12/2011: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả trong 15 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ 1.193 triệu VND và kỳ cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 77.500 triệu VND (31/12/2011: không). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả mỗi kỳ sáu tháng và kỳ cuối cùng vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 100.419 triệu VND (31/12/2011: không) .
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.000 triệu VND (31/12/2011: 0 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả trong 15 quý, mỗi quý trả 263 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 266 triệu VND vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bởi Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 2.500 triệu VND.

Mẫu B 09 - DN

21. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

		VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011	
Số dư đầu năm	6.164.710.000	6.011.137.500	
Dự phòng lập trong năm	587.555.250	155.072.500	
Dự phòng sử dụng trong năm	(408.455.000)	(1.500.000)	
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.343.810.250)	-	
Số dư cuối năm	-	6.164.710.000	

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đóng 433 triệu VND (31/12/2011: 393 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

22. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu B 09 - DN

VNĐ

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 1							
tháng 1 năm 2011	1.419.258.000.000	-	(5.540.477.288)	4.936.442.297	24.143.137.255	346.805.553.696	1.789.602.655.960
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(133.854.735.607)	-	-	-	(133.854.735.607)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	553.180.184.495	553.180.184.495
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	-	17.261.605.000	(46.371.423.815)	(29.109.818.815)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(385.506.524.000)	(385.506.524.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(150.000.000)	-	-	(150.000.000)
Số dư tại ngày 1							
tháng 1 năm 2012	1.419.258.000.000	-	(139.395.212.895)	4.786.442.297	41.404.742.255	468.107.790.376	1.794.161.762.033
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(33.231.840.138)	-	-	-	(33.231.840.138)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	7.594.294.697	43.155.705.303	-	-	-	50.750.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	370.133.450.809	370.133.450.809
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	55.298.656.855	27.649.328.427	(121.262.801.692)	(38.314.816.410)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(447.740.300.000)	(447.740.300.000)
Số dư tại ngày 31							
tháng 12 năm 2012	1.419.258.000.000	7.594.294.697	(129.471.347.730)	60.085.099.152	69.054.070.682	269.238.139.493	1.695.758.256.294

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

23. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	141.925.800	1.419.258.000.000	141.925.800	1.419.258.000.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(10.500.000)	(105.000.000.000)	(11.344.100)	(113.441.000.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	131.425.800	1.314.258.000.000	130.581.700	1.305.817.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	130.581.700	1.305.817.000.000	141.252.330	1.412.523.300.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(2.655.900)	(26.559.000.000)	(10.670.630)	(106.706.300.000)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	3.500.000	35.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	131.425.800	1.314.258.000.000	130.581.700	1.305.817.000.000

Mẫu B 09 - DN

Biến động cổ phiếu quỹ trong năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	139.395.212.895	5.540.477.288
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	33.231.840.138	133.854.735.607
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	(43.155.705.303)	-
Số dư cuối năm	129.471.347.730	139.395.212.895

Trong năm, Công ty đã quyết định mua 2.655.900 cổ phiếu quỹ từ các cổ đông với giá dao động từ 12.004 VNĐ đến 13.956 VNĐ và phát hành lại 3.500.000 cổ phiếu quỹ với giá 14.500 VNĐ. Cổ phiếu quỹ được mua lại vào tháng 1 và tháng 2 năm 2012 và phát hành lại vào tháng 12 năm 2012.

24. CỔ TỨC

Cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 9 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền tương đương 255.851 triệu VNĐ (2.000 VNĐ trên một cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011. Và cuộc họp của Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 10 năm 2012 đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền tương đương 191.889 triệu VNĐ tương đương 1.500 VNĐ trên một cổ phiếu cho giai đoạn đầu tiên trong năm 2012 (2011: cổ tức bằng tiền tương đương 385.506 triệu VNĐ từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2010).

25. QUỸ THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU

- (i) **Quỹ đầu tư và phát triển**
Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.
- (ii) **Quỹ dự phòng tài chính**
Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được lập nhằm giúp các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai.

26. TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính

(tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

26. TỔNG DOANH THU (tiếp theo)

VNĐ		
	31/12/2012	31/12/2011
Tổng doanh thu		
Bán đường	1.708.602.729.126	1.840.605.755.451
Bán mặt đường	76.114.651.622	137.159.671.517
Bán điện	43.979.441.100	41.473.764.030
Bán phân bón	100.485.008.141	-
Khác	33.570.089.414	33.744.261.902
	1.962.751.919.403	2.052.983.452.900
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(1.923.036.716)	(2.677.734.927)
Doanh thu thuần	1.960.828.882.687	2.050.305.717.973

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VNĐ		
	31/12/2012	31/12/2011
Giá vốn đường	1.365.479.758.664	1.253.779.214.818
Giá vốn mặt đường	75.219.700.69	137.561.649.258
Giá vốn điện	38.389.857.364	39.233.208.712
Giá vốn phân bón	97.422.970.892	-
Khác	14.301.641.697	16.362.747.510
	1.590.813.929.308	1.446.936.820.298

Mẫu B 09 - DN

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VNĐ		
	31/12/2012	31/12/2011
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	39.645.920.757	106.045.910.094
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	6.191.995.651	3.481.170.443
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	56.386.021.211	5.677.290.262
Cổ tức thu từ đầu tư chứng khoán	24.935.208.400	11.678.510.239
Lãi từ các khoản đầu tư vào các đơn vị đồng kiểm soát	-	1.044.229.261
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	494.708.259	868.564.790
Lãi từ bán các khoản đầu tư chứng khoán (*)	185.554.905.691	-
Khác	-	120.000.000
	313.208.759.969	128.915.675.089

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2012, theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty ký hợp đồng với một bên liên quan (“Người được Ủy quyền”) để bán 7.500.000 cổ phiếu của Sacombank (“STB”) với giá ủy thác không thấp hơn giá thị trường trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày giao dịch. Trong tháng 5 năm 2012, Người được Ủy quyền, thay mặt Công ty, đã bán số cổ phiếu này với giá thương lượng cao hơn giá niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng, Công ty ghi nhận lãi ban đầu của giao dịch này là 80,705,714,166 VND theo tham chiếu với giá thị trường tại ngày giao dịch là 25.000 VND/cổ phiếu. Người được Ủy quyền nhận được tiền hoa hồng là mức chênh lệch so với giá thị trường 25.000 VND/cổ phiếu tại ngày giao dịch. Tuy nhiên, do tình hình hoạt kinh doanh trong năm của Công ty gặp khó khăn nên theo thỏa thuận với Công ty ngày 17 tháng 12 năm 2012, người được Ủy quyền tự nguyện trả lại tiền hoa hồng nhận được từ giao dịch này là 75.000.000.000 VND cho Công ty. Do đó, tổng lãi từ bán cổ phiếu STB được ghi nhận trong doanh thu hoạt động tài chính trong năm là 155.705.714.166 VND. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, khoản này đã được thanh toán đủ.

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ		
	2012	2011
Chi phí lãi vay	75.345.627.183	48.666.079.483
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	94.750.350.696	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	463.824.897	2.972.278.380
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	47.494.859.522
Khác	1.215.258.263	463.202.379
	171.775.061.039	99.596.419.764

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

30. THUẾ THU NHẬP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	VNĐ	
	2012	2011
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	49.859.780.069	23.837.185.732
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.520.556.817	193.615.948
	51.380.336.886	24.030.801.680
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	757.256.230	(6.031.009.252)
	52.137.593.116	17.999.792.428

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	VNĐ	
	2012	2011
Lợi nhuận trước thuế	422.271.043.925	570.986.360.975
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	42.227.104.393	57.098.636.098
Ưu đãi thuế	(7.976.550.650)	(38.375.671.584)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với hoạt động kinh doanh và các khoản thu nhập khác	22.456.533.983	4.891.795.896
Chi phí không được khấu trừ thuế	143.750.673	398.954.497
Thu nhập không bị tính thuế	(6.233.802.100)	(2.919.627.560)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận trước đây	-	(3.287.910.867)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.520.556.817	193.615.948
	52.137.593.116	17.999.792.428

Mẫu B 09 - DN

Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012 do hoạt động của Công ty thỏa mãn điều kiện về doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến nông sản.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, các điều khoản trong giấy phép đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004) và giảm 50% thuế thu nhập trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 370.133 triệu VND (31/12/2011: 552.987 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 128.083.124 cổ phiếu (31/12/2011: 137.314.053), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	VNĐ	
	2012	2011
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	370.133.450.809	552.986.568.547

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	VNĐ	
	2012	2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	130.581.700	141.252.330
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(2.531.090)	(3.938.277)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm	32.514	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	128.083.124	137.314.053

Báo cáo tài chính

- Thông tin chung
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

32. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		VNĐ	
	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(*)	110.269.449.087	87.092.283.872
Khoản vay cho các công ty liên quan	(**)	297.983.547.843	90.358.494.207
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(***)	334.027.614.306	328.766.521.396
Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	(****)	332.961.000.229	214.477.910.554
(Thuyết minh 6)			
		1.075.241.611.465	720.695.210.029

(*) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Mẫu B 09 - DN

(**) Khoản vay cấp cho công ty liên quan

Ban Giám đốc của Công ty đã xem xét mức độ rủi ro cũng như các biện pháp thu hồi nợ theo từng đối tượng vay. Việc trích lập dự phòng xảy ra khi mà Ban Giám đốc thấy cần thiết và dựa trên các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(***) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	VNĐ	
	2012	2011
Chưa quá hạn	257.787.899.165	328.486.529.801
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	76.239.715.141	279.991.595
	334.027.614.306	328.766.521.396

(****) Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản ứng trước cho người trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Một số nông dân trồng mía được yêu cầu thế chấp giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản Công ty ứng trước. Ngoài ra, người nông dân phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản ứng trước tương ứng. Khoản ứng trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư cho vay quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản cho vay mới.

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

32. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản ứng trước chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản ứng trước như sau:

	VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011
Chưa quá hạn	328.284.560.532	201.928.894.792
Quá hạn trên 180 ngày	4.676.439.697	12.549.015.762
	332.961.000.229	214.477.910.554

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	VNĐ	
	2012	2011 (được phân loại lại)
Số dư đầu năm	18.538.162.841	480.225.243
Tăng trong năm	4.504.211.400	18.258.171.246
Hoàn nhập	-	(200.233.648)
	23.042.374.241	18.538.162.841

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Mẫu B 09 - DN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	VNĐ				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Hơn 5 năm	
Vay và nợ ngắn hạn					
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14)	713.203.342.136	-	-	-	-
Phải trả người bán	41.460.174.576	-	-	-	-
Phải trả người lao động	9.431.820.585	-	-	-	-
Chi phí phải trả	60.051.144.927	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	19.174.814.536	-	-	-	-
Vay dài hạn					
Vay dài hạn (Thuyết minh 20)	25.645.576.282	27.764.824.901	26.363.958.258	6.384.952.091	
	868.966.873.042	27.764.824.901	26.363.958.258	6.384.952.091	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Vay và nợ ngắn hạn					
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14)	335.025.876.407	-	-	-	-
Phải trả người bán	55.182.662.872	-	-	-	-
Phải trả người lao động	120.004.713	-	-	-	-
Chi phí phải trả	36.537.488.645	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	19.188.763.036	-	-	-	-
Vay dài hạn					
Vay dài hạn (Thuyết minh 20)	3.777.548.123	3.140.781.941	8.752.889.393	8.938.811.275	
	449.832.343.796	3.140.781.941	8.752.889.393	8.938.811.275	

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính

(tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

32. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d). Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i). Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái
Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái trọng yếu do hầu hết các giao dịch đều thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ chức năng của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.601	500
Trả trước cho người bán	215.775	111.421
Vay ngắn hạn	(4.400.000)	-
	(4.177.624)	111.921

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012	31/12/2011
1 USD	20.815	21.030
1 EUR	27.371	27.282

Mẫu B 09 - DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần VND	
USD (yếu đi 1%)	(782.615)
EUR (mạnh thêm 1%)	27.571

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	297.983.547.843	90.358.494.207
Vay dài hạn	(72.011.359.776)	(20.728.905.000)
	225.972.188.067	89.629.589.207
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	110.269.449.087	67.092.283.872
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	301.317.238.306	172.426.979.535
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	54.686.136.164	60.589.093.860
Vay ngắn hạn	(691.332.892.670)	(324.971.693.686)
	(225.060.069.113)	(24.863.336.419)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 3.173 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính

(tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

32. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị hợp lý tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012. Những chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền, khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, vay ngắn hạn và các khoản phải trả khác:

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Vay dài hạn và ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp ký của khoản vay và ứng trước cho nông dân trồng mía được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 xấp xỉ với giá trị ghi sổ được ghi nhận.

Đầu tư vào vốn chủ sở hữu

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

33. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các cổ đông như sau:

Mẫu B 09 - DN

	Giá trị giao dịch	
	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (*)		
Bán hàng hóa	60.009.516.860	293.503.460.537
Mua đường thô	213.574.000.000	100.000.000.000
Đặt cọc nhận được	-	55.000.000.000
Trả tiền đặt cọc	52.250.000.000	-
Lãi phải thu	9.870.642.525	5.045.899.730
Lãi phải trả	2.442.568.333	3.770.000.000
Cho vay	188.000.000.000	-
Ứng tiền mua đường và mật đường	134.537.560.000	396.439.100.000
Chi phí quản lý	5.627.000.000	-
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa		
Lãi cho vay	46.577.960.336	31.546.969.364
Thu nợ gốc	-	8.652.000.000
Cho vay	107.983.547.843	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Bán hàng	11.942.561.446	28.585.423.478
Mua hàng	3.188.429.301	1.183.506.528
Nhận cổ tức	20.445.444.000	8.420.000.000
Công ty Cổ phần Đường La Ngà		
Nhận cổ tức	4.489.764.400	-
Công ty TNHH Đặng Thành		
Bán cổ phiếu La Ngà	6.900.000.000	-
Bán hàng hóa	-	34.290.249.996
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	2.954.676.000	1.185.383.408

(*) Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thành Thành Công đã thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo của Ban Điều Hành
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

34. CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	64.692.932.637	82.425.530.394
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng (*)	46.646.303.584	58.551.973.875
	111.339.236.221	140.977.504.269

(*) Trong khoản cam kết vốn đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng bao gồm 45.223 triệu VND cam kết vốn phải trả cho Tập đoàn Toàn Thịnh Phát cho việc xây dựng Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại 217-219 đường 30/4, phường 2, tỉnh Tây Ninh. Công trình xây dựng dự kiến hoàn tất trong năm 2013

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011
Trong vòng một năm	293.877.817	983.740.006

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	31/12/2012	31/12/2011
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.402.257.095.037	1.213.781.516.219
Chi phí nhân công	76.383.072.198	55.713.759.772
Chi phí khấu hao	81.280.057.510	77.372.853.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.504.983.772	123.889.285.973
Chi phí khác	26.842.856.799	39.917.912.261

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo của Ban Điều Hành
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các cổ đông như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	VNĐ	
	31/12/2012 (được phân loại lại)	31/12/2011 (theo báo cáo trước đây)
Các khoản đầu tư ngắn hạn	90.358.494.207	137.329.389.791
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	(12.363.877.320)
Trả trước cho người bán	237.403.931.948	93.512.540.679
Các khoản phải thu khác	148.040.363.820	238.040.363.820
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	(18.538.162.841)	(279.991.595)
Phải thu dài hạn khác	60.589.093.860	100.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	238.109.023.033	222.792.324.644
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(36.339.400.956)	(42.233.694.882)
Vay ngắn hạn	(327.803.035.686)	(327.358.035.686)
Phải trả người bán	(55.182.662.872)	(72.356.374.938)
Vay dài hạn	(17.897.563.000)	(18.342.563.000)

Báo cáo tài chính

Thông tin chung
Báo cáo của Ban Điều Hành
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính(tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

36. SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	VNĐ	
	31/12/2012 (được phân loại lại)	31/12/2011 (theo báo cáo trước đây)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	437.739.276.218	435.044.836.307
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	(279.649.739.420)	(276.955.299.509)

Người lập:

NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người duyệt:



NGUYỄN BÁ CHỦ
Tổng Giám đốc

